

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

cokhiangiang@agm.vn

(0296) 3852 969



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

MỤC LỤC

06 THÔNG TIN CHUNG

- 07 Thông tin khái quát
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 19 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 23 Định hướng phát triển
- 25 Các rủi ro

32 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 33 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 35 Tổ chức và nhân sự
- 43 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 45 Tình hình tài chính
- 49 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 51 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

58 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 59 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 61 Tình hình tài chính
- 63 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 64 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 64 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 65 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

68 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 69 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 70 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 71 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

74 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 75 Hội đồng quản trị
- 89 Ban kiểm soát
- 94 Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

98 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 99 Ý kiến kiểm toán
- 100 Báo cáo tài chính được kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG

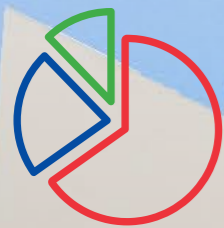
- 07 Thông tin khái quát
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 19 Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- 23 Định hướng phát triển
- 25 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Tên tiếng Anh:	AN GIANG MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	ANGIMECO (AMC)
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 1600111049 (số cũ 5203000080) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 07/12/2021
Vốn điều lệ:	32.864.040.000 đồng

Địa chỉ:	Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Số điện thoại:	(0296) 3852 969 – (0296) 3953 938
Số fax:	(0296) 3853 052
Website:	www.cokhiangiang.com
Mã cổ phiếu:	CKA
Logo:	



Vốn điều lệ (VNĐ)

32.864.040.000





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 04/09/1976, theo quyết định số 117/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang, Xí Nghiệp Cơ khí tỉnh được thành lập với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

1976

Ngày 20/04/1999, theo Quyết định số 764/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang, Xí Nghiệp Cơ khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ khí An Giang và tiếp tục hoạt động đến nay.

1999

Ngày 29/5/2007 UBND tỉnh An Giang có quyết định số 1418/QĐ.UBND về việc chuyển giao Công Ty Cơ Khí An Giang về làm thành Viên Tổng Công Ty Máy Động Lực Và Máy Nông Nghiệp.

Ngày 07/12/2007, Công ty Cơ khí An Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 19.427.170.000 đồng.

2007

Ngày 24/03/2009, Công ty Cơ khí An Giang phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 28.577.430.000 đồng.

2009

1992

Ngày 21/11/1992, theo Nghị định số 388/HĐ.BT của Hội Đồng Bộ Trưởng, Xí Nghiệp Cơ khí Huyện và Thị Xã được sáp nhập để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ khí An Giang.

2008

Công ty hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (Tiếp theo)

Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 32.864.040.000 đồng.

2013

Ngày 12/06/2018, Công ty đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được cấp mã chứng khoán là CKA.

Ngày 10/10/2018, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu UpCom với giá trị giao dịch là 32.864.040.000 đồng.

Ngày 17/10/2018, ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên của Công ty với giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

2018

Ngày 23/04/2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty lần 04.

Ngày 24/10/2019, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang công bố sử dụng mẫu con dấu mới.

2019

2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập.

2021

Công ty ổn định tình hình sản xuất kinh doanh trước những khó khăn và thử thách mới.

2022

Trong năm 2022, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung phát triển mảng kinh doanh chính của Công ty, mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa. Ngoài ra, Công ty còn sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại	2599 (Chính)
2	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện	2710
3	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc kim loại, á kim	2431
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá	0810
5	Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Khai thác nước khoáng	0899
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bò	4661
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)	4662
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4669
9	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
10	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị	2829
11	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan	3011
12	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại	3091

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
13	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơmoóc Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ	3099
14	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại	3830
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình	4390
17	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4513
18	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ	4520
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô	4530
20	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
25	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy	7410
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (Tiếp theo)

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
27	Bán mô tô, xe máy	4541
28	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
29	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
30	Bán buôn thực phẩm	4632
31	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời Chi tiết: Bán buôn myas móc, thiết bị y tế	4659
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
35	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
36	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và đầu tư các giải pháp về điện năng lượng mặt trời	7490
37	Cho thuê xe có động cơ	7710
38	Bán buôn tổng hợp	4690
39	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
41	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất gạch không nung	2395
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
45	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
46	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
47	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
49	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
52	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
53	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
54	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
55	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
56	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
57	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
58	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
59	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
60	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
61	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
62	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
64	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65	Bốc xếp hàng hóa	5224
66	Dịch vụ ăn uống khác	5629



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (Tiếp theo)

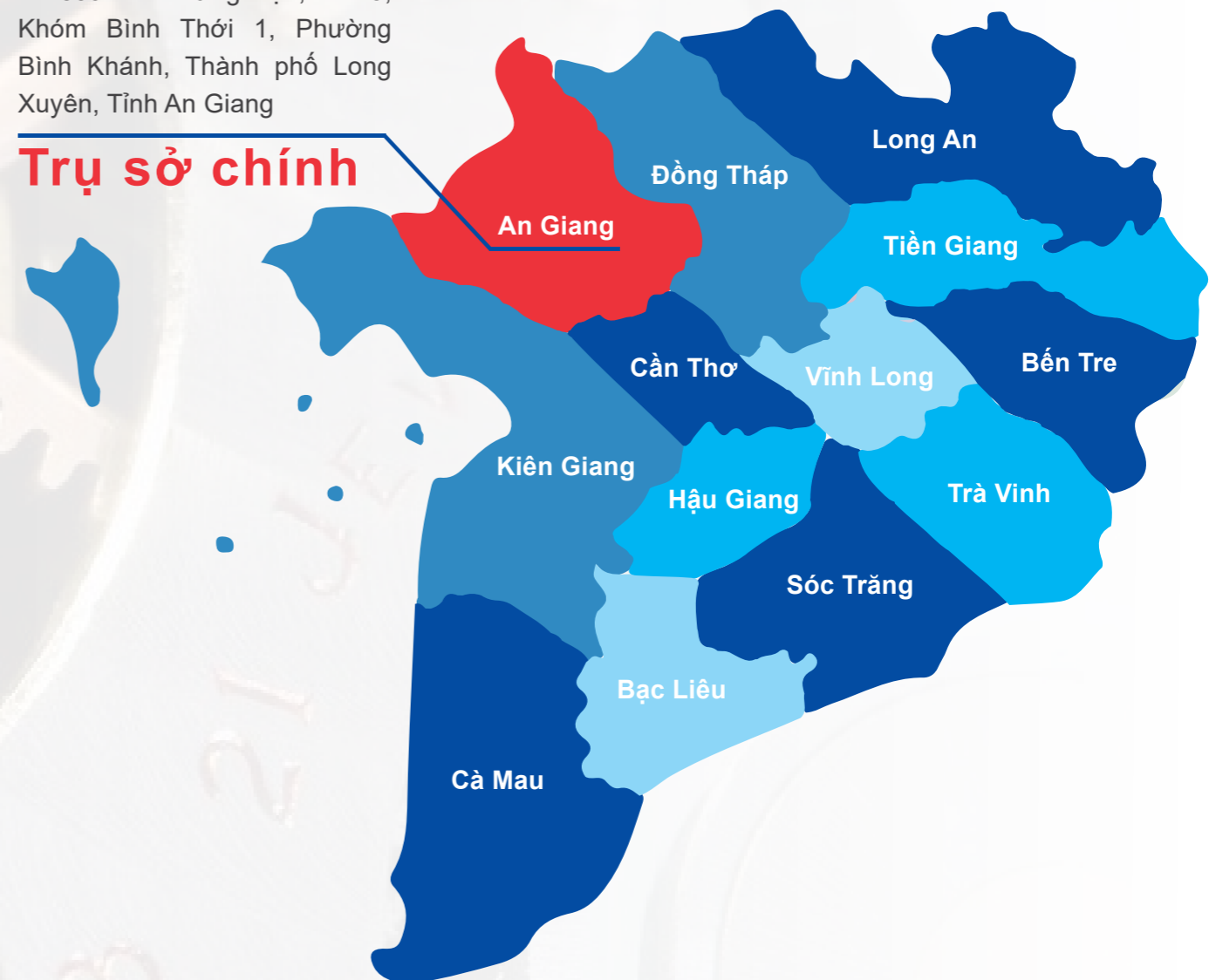
STT	NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH
67	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
69	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
70	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
73	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
74	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	3320
76	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	3511
77	Xây dựng công trình đường sắt	4211
78	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	4212
79	Xây dựng công trình thủy	4291
80	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
84	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang hiện nay đang hoạt động chủ yếu ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13,
Khóm Bình Thới 1, Phường
Bình Khánh, Thành phố Long
Xuyên, Tỉnh An Giang

Trụ sở chính





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

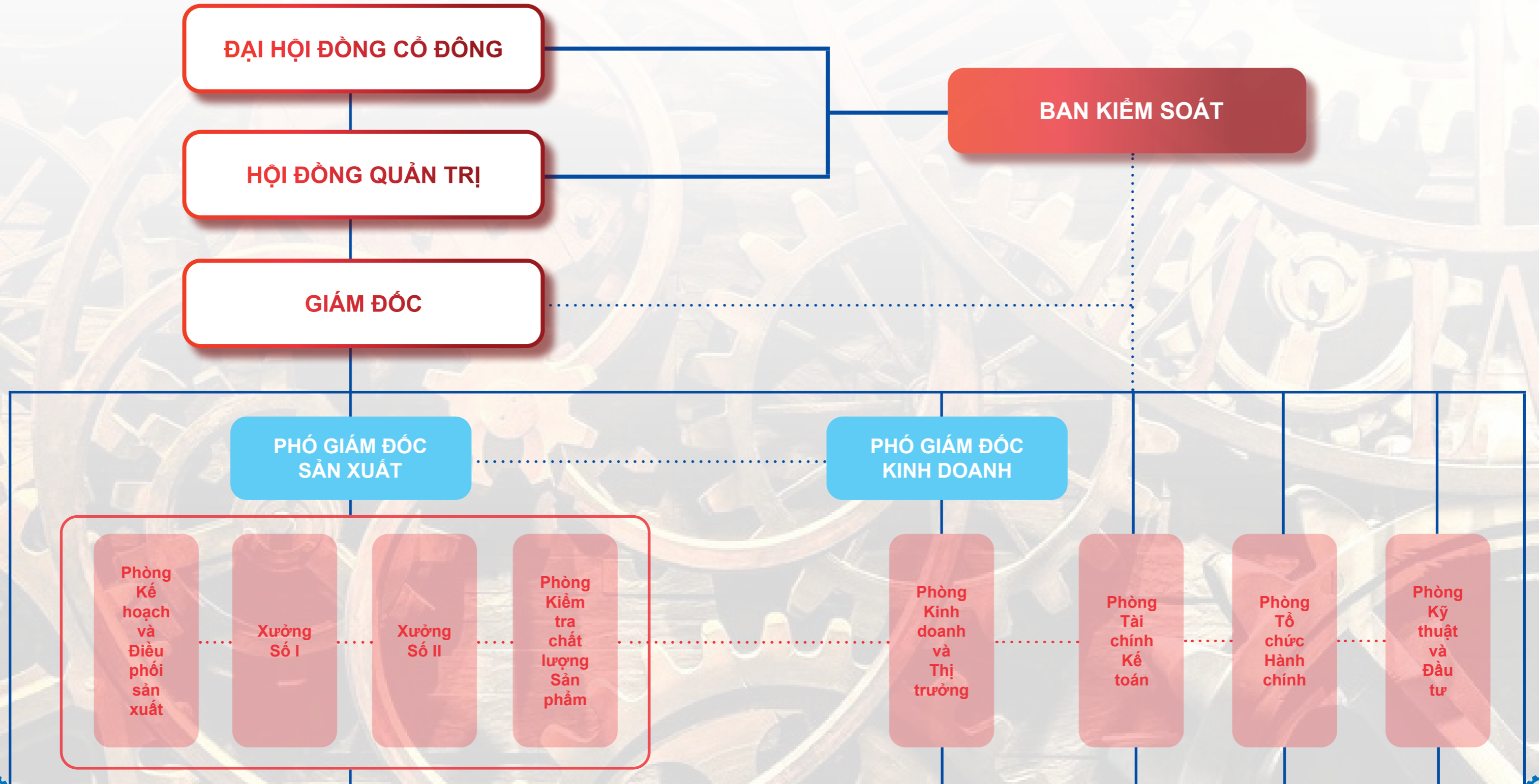
Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những phòng ban liên quan.

Ghi chú:

Chỉ đạo trực tiếp: _____

Quan hệ tác nghiệp:.....

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (Tiếp theo)

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

.Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên

Địa chỉ:	Số 1785, Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại:	(0296) 383 3792 – (0296) 221 1314 – (0296) 834 365
Fax:	(0296) 383 5770
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Vốn điều lệ thực góp:	4.584.859.059 đồng
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	100%

.Công ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ Khí An Giang

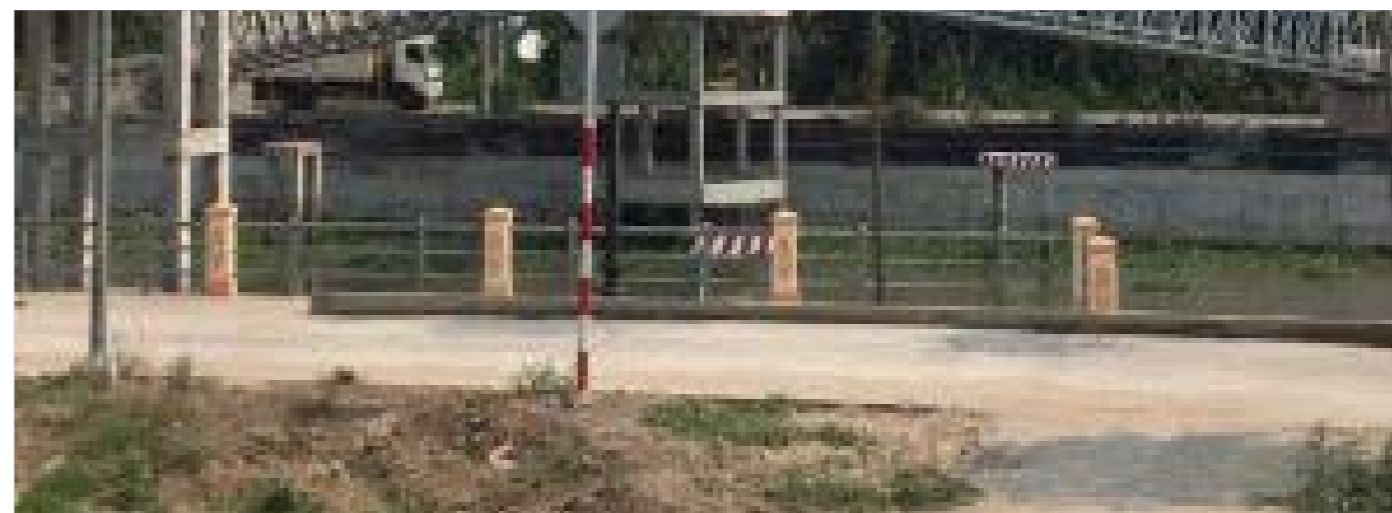
Địa chỉ:	Số 839, Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại:	(0296) 398 9753
Fax:	(0296) 398 9755
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
Vốn điều lệ thực góp:	10.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	100%



CÔNG TY LIÊN DOANH

.Công ty TNHH Liên Doanh Antraco.

Địa chỉ:	Ấp Rò Leng, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang
Điện thoại:	(0296) 387 4616
Fax:	(0296) 377 2249
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
Vốn điều lệ thực góp:	7.956.213.357 đồng
Tỷ lệ sở hữu của Công ty:	49% vốn điều lệ, 50% quyền biểu quyết





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Có vị trí nằm trong trung tâm nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Cửu Long và của cả nước, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được trao sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa, hiện đại hóa nông thôn và sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng để duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động cũng như Công ty luôn nỗ lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh đi đôi với trách nhiệm xã hội. Công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ trong sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội và của chính Công ty. Vì vậy, bên cạnh việc chú trọng đóng góp cho sự phát triển kinh tế bền vững, Công ty còn đảm bảo tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường và luôn nhắc nhở cán bộ công nhân viên nâng cao nhận thức và cùng chung tay bảo vệ môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực tham gia vào các hoạt động của địa phương để hỗ trợ an sinh xã hội cũng như các chương trình tình nguyện và hoạt động từ thiện cho cộng đồng nhằm tạo dựng hình ảnh Công ty trong mắt công chúng.

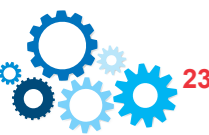
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tiếp tục đẩy mạnh đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị đảm bảo đáp ứng ngành nghề cung cấp chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án quy mô lớn, khai thác hiệu quả các công trình đầu tư đã hoàn thiện. Bên cạnh đó, ngoài việc duy trì và tăng cường hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm như ISO, ASME, 5S,... Công ty còn chú trọng vào đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

Hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, vì vậy Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang không ngừng củng cố bộ máy quản lý để hoàn thiện hệ thống Quản trị doanh nghiệp, từ đó đảm bảo công tác quản lý tài chính cũng như công tác quản trị rủi ro và giám sát chi phí của Công ty đạt hiệu quả cao hơn.

Chất lượng lao động cũng được Công ty chú trọng nâng cao theo hướng chuyên môn hóa, Công ty tăng cường đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý. Ngoài ra, văn hóa doanh nghiệp cũng được Công ty tập trung xây dựng nhằm nâng cao kỹ năng và tác phong làm việc cho cán bộ công nhân viên, từ đó đảm bảo việc làm cũng như cải thiện điều kiện làm việc và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Ban Giám đốc điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể của Công ty xây dựng phương án phối hợp hoạt động nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty. Qua đó, Công ty chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động: động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế làm việc, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu,...





CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế Thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn và khó lường. Sự thiếu hụt nguồn cung, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng và khan hiếm lao động sau đại dịch COVID-19 và xung đột từ Nga – Ukraine đã khiến giá năng lượng, hàng hóa tăng mạnh. Bên cạnh đó, chính sách tiền tệ nới lỏng trong giai đoạn đại dịch cũng khiến lạm phát tăng vọt ở nhiều quốc gia trên Thế giới, gây ra tình trạng vừa lạm phát vừa suy giảm kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, nền kinh tế nước ta trong năm vừa qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, nền kinh tế vĩ mô cũng đảm bảo sự ổn định.

Trong nước, nền kinh tế nước ta trong năm qua đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, tình hình lạm phát trong tầm kiểm soát. Từ đó, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, góp phần tích cực cho quá trình phục hồi và

phát triển kinh tế – xã hội. Theo số liệu do Tổng cục Thống kê công bố ngày 29/12/2022 cho thấy GDP của Việt Nam trong năm 2022 ghi nhận tăng 8,02% so với năm 2021 (vượt mức kế hoạch đề ra là 6,5%). Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn kể từ năm 2011 đến nay. Ngoài ra, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất năm 2022 ghi nhận tăng 6,79% so với năm trước, trong đó: Chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 9,88%; dùng cho sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,53%; dùng cho xây dựng tăng 6,96%.

Nhìn chung bức tranh kinh tế Việt Nam đang phục hồi trở lại và được kỳ vọng sẽ tạo được “sức bật” mạnh mẽ cho

những năm tiếp theo. Đây là tín hiệu đáng mừng, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn không thể chủ quan vì tình hình kinh tế thế giới hiện nay vẫn đang biến động mạnh với nhiều diễn biến phức tạp và khó lường. Vì vậy, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn trong tư thế sẵn sàng để chuẩn bị cho những trường hợp không mấy khả quan có thể xảy ra, đồng thời Ban quản trị Công ty cũng luôn cập nhật và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô để có thể chủ động đề ra những chủ trương và hướng đi phù hợp giúp Công ty dễ dàng thích ứng và đối phó, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động của Công ty.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang là công ty đại chúng và hiện đang được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UpCom) nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cần tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư,... cũng như các văn bản luật, thông tư, nghị định liên quan khác.

Tuy nhiên, với tình hình hội nhập sâu như hiện nay, để tạo môi trường có hệ thống luật lệ an toàn, bảo vệ nhà đầu tư trong và ngoài nước, các văn bản pháp luật tại Việt Nam luôn được cập nhật và sửa đổi. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của Công ty, vì vậy Ban lãnh đạo Công ty luôn coi việc tuân thủ pháp luật là một mục tiêu quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình và luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật một cách nghiêm túc để kịp thời có những chiến lược đúng đắn và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của mình nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng đến tài chính và hình ảnh của Công ty.





RỦI RO CẠNH TRANH

Tại Việt Nam, ngành nông nghiệp không chỉ dừng lại ở sứ mệnh đảm bảo an ninh lương thực mà còn đóng vai trò là nền tảng và trụ đỡ của nền kinh tế, góp phần tham gia sâu vào hội nhập kinh tế thế giới. Hiện nay ngành nông nghiệp nước ta đã và đang được chú trọng đầu tư, ứng dụng những công nghệ, kỹ thuật mới theo xu hướng cơ giới hóa, đưa máy móc ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp thay thế dần lao động thủ công nhằm tăng năng suất lao động, giảm tổn thất sau thu hoạch và tăng hiệu quả cạnh tranh. Cơ khí chế tạo máy phục vụ sản xuất nông nghiệp là một trong những phân ngành có vai trò quan trọng trong việc cung ứng tư liệu sản xuất cho ngành nông nghiệp. Chính vì vậy, thị trường máy nông nghiệp đang chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt ở các doanh nghiệp trong nước và ngoài nước.

Theo báo cáo từ Bộ Công thương, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp do Việt Nam sản xuất chỉ chiếm khoảng 20% thị phần, còn khoảng 80% là máy móc nhập khẩu từ các quốc gia khác như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhận thấy được rủi ro đó, Ban Lãnh Đạo Công ty đã có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao năng suất sản xuất, đầu tư mới các thiết bị, ứng dụng công nghệ nhằm làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản, giảm bớt chi phí thiệt hại trong sản xuất để mang về hiệu quả kinh doanh tốt nhất cho Công ty và đảm bảo khả năng cạnh tranh trên thị trường.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Đối với một Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo như Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, đầu vào sản xuất chủ yếu là nguyên liệu thô, vật tư, linh kiện,... Là một doanh nghiệp sản xuất, tỷ trọng của nguyên vật liệu đầu vào trong cơ cấu chi phí hoạt động của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn. Vì vậy, chất lượng cũng như giá nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hiện nay giá cả ký hợp đồng với các khách hàng ngày càng cạnh tranh dẫn đến việc

quản lý nguyên vật liệu đầu vào cũng như tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp luôn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và với Công ty nói riêng. Trước thực trạng này, Ban điều hành của Công ty đã thực hiện vai trò của mình trong việc quản trị rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu đầu vào tại những thời điểm thích hợp nhằm tránh rủi ro giá nguyên vật liệu biến động quá cao,... xây dựng kế hoạch quản lý nguyên vật liệu đầu vào một cách tối ưu và phù hợp với quy trình sản xuất của Công ty.





RỦI RO LÃI SUẤT

Theo báo cáo tài chính năm 2022, Công ty ghi nhận một phần nguồn vốn được tài trợ từ khoản nợ vay tài chính ngắn hạn nên những biến động về lãi suất trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm vừa qua khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tục điều chỉnh tăng lãi suất điều hành khiến đồng USD lên giá mạnh, làm gia tăng áp lực lên mặt bằng lãi suất và tỷ giá trong nước, tạo sức ép lên lạm phát. Với tình hình đó, để góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước đã buộc phải điều chỉnh tăng các mức lãi suất. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước đã chỉ đạo các Tổ chức tín dụng nỗ lực triển khai nhiều giải pháp đảm bảo cung ứng tín dụng cho nền kinh tế cũng như đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, phục hồi sản xuất – kinh doanh, mở rộng thêm hạn mức tín dụng,... Tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo theo dõi liên tục và thường xuyên những biến động của lãi suất cho vay để kịp thời đề ra những biện pháp ứng phó, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những tác động rủi ro về lãi suất, đồng thời tận dụng cơ hội từ các chính sách của chính phủ để có thể sử dụng được nguồn vốn với chi phí rẻ.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian gần đây người dân đã nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đánh giá các doanh nghiệp dựa trên việc tuân thủ luật bảo vệ môi trường đi cùng với trách nhiệm xã hội. Vì vậy, bảo vệ môi trường là yêu cầu đặt ra cho tất cả các doanh nghiệp nói chung cũng như Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang nói riêng.

Là doanh nghiệp xem việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ trong sự nghiệp phát triển bền vững, Công ty ý thức được tầm quan trọng của rủi ro môi trường. Do đó, Công ty luôn chú trọng công tác bảo đảm an toàn cũng như kiểm tra kĩ lưỡng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của mình. Không chỉ vậy, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên sử dụng năng lượng, điện, nước một cách hợp lý và khoa học để góp phần bảo vệ môi trường. Bằng những hành động cụ thể và thiết thực này, Công ty luôn mong muốn và nỗ lực để xây dựng hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro chính thì quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh,... Đây là những trường hợp bất khả kháng, tuy nhiên khi xảy ra trong thực tế những rủi ro này sẽ để lại thiệt hại nặng nề về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp không chủ quan mà luôn chủ động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội, thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động,... Đồng thời, Công ty cũng hạn chế rủi ro bằng cách mua bảo hiểm cho tất cả công nhân viên và tất cả tài sản trong công ty để khi có trường hợp này xuất hiện thì doanh nghiệp hoàn toàn có thể xử lý tốt và phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 33 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 35 Tổ chức và nhân sự
- 43 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 45 Tình hình tài chính
- 49 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 51 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

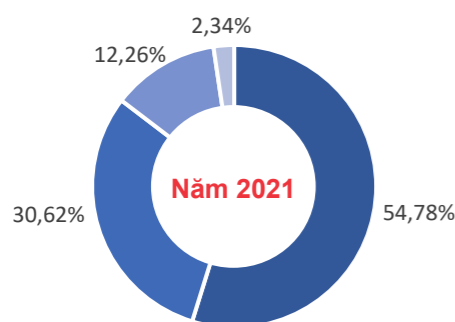


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

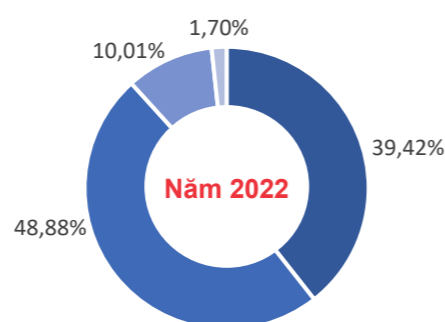
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu xây dựng các loại cầu	62.592	54,78%	60.986	39,42%	-1.606	-2,56%
2	Doanh thu bán thành phẩm	34.987	30,62%	75.636	48,88%	+40.649	+116,18%
3	Doanh thu bán hàng hóa	14.006	12,26%	15.486	10,01%	+1.480	+10,57%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.672	2,34%	2.624	1,70%	-48	-1,80%
Tổng cộng		114.257	100%	154.732	100%	+40.475	+35,42%



■ Doanh thu xây dựng các loại cầu ■ Doanh thu bán thành phẩm
■ Doanh thu bán hàng hóa ■ Doanh thu cung cấp dịch vụ



■ Doanh thu xây dựng các loại cầu ■ Doanh thu bán thành phẩm
■ Doanh thu bán hàng hóa ■ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã ghi nhận được những kết quả hoạt động khả quan. Cụ thể, Công ty ghi nhận doanh thu đạt hơn 154.732 triệu đồng, tương ứng với mức tăng 35,42% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong đó, doanh thu từ hai mảng chính của Công ty là doanh thu bán thành phẩm (chiếm 48,88% tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu) và doanh thu xây dựng các loại cầu (chiếm 39,42% tỷ trọng). Các chỉ số doanh thu của Công ty lần lượt đạt 75.636 triệu đồng, tăng mạnh 116,18% và đạt 60.986 triệu đồng, giảm nhẹ hơn 2% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng hóa của Công ty cũng ghi nhận mức tăng trưởng hơn 10% và đạt 15.486 triệu đồng trong năm nay. Trong năm nay, cơ cấu doanh thu của Công ty có sự thay đổi khi Công ty bắt đầu đẩy mạnh tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất và kinh doanh máy cơ khí, máy nông nghiệp để phục vụ cho hoạt động phát triển của nền nông nghiệp trong nước khiến cho doanh thu bán thành phẩm trở thành khoản mục chiếm tỷ trọng cao hơn so với doanh thu xây dựng các loại cầu.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2021	TH 2022	KH 2022	TH2022/TH2021	TH2022/KH2022
Tổng doanh thu	114.257	154.732	153.600	135,42%	100,74%
Tổng lợi nhuận trước thuế	16.470	21.956	15.825	133,31%	138,74%
Tổng lợi nhuận sau thuế	16.952	21.674	15.492	127,86%	139,90%

Sau hai năm đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, với sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã thành công đạt được các kế hoạch kinh doanh được đề ra. Cụ thể, doanh thu Công ty đạt 154.732 triệu đồng tăng 35,42% so với cùng kỳ và đạt 100,74% kế hoạch. Theo đó, lợi nhuận sau thuế cũng tăng trưởng đạt 21.674 triệu đồng tăng 27,86% so với cùng kỳ và vượt 39,90% kế hoạch.

Tận dụng được các lợi thế sẵn có với kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất cơ khí, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực, bám sát nhiệm vụ trọng tâm được Đại hội đồng Cổ đông thông qua để thực hiện chỉ đạo, triển khai mọi nguồn lực sản xuất, cùng với sự quyết tâm cao của toàn thể cán bộ công nhân viên người lao động trong toàn Công ty đã giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh vượt bậc so với kế hoạch đề ra.





DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2022:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Vân	TV HĐQT kiêm Giám đốc	103.143 cổ phiếu	3,14%
2	Trần Văn Thái	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	58.275 cổ phiếu	1,77%
3	Huỳnh Văn An	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.198 cổ phiếu	1,62%
4	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thư ký HĐQT kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	0 cổ phiếu	0%



Lý lịch Ban điều hành

Ông Lê Thanh Vân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
01/1990 – 03/1990:	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Đúc, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
04/1990 – 11/1992:	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang
11/1992 – 06/1997:	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/1997 – 10/1998:	Phó Phòng kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
10/1998 – 11/1998:	Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
11/1998 – 09/2011:	Quản đốc Phân xưởng Gò hàn
09/2022 – 12/2021:	Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
06/2014 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
12/2021 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
03/2022 đến nay:	Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 103.143 cổ phiếu, chiếm 3,14% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Lý lịch Ban điều hành

Ông Trần Văn Thái – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
02/1985 – 07/1985:	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang;
	Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ Khí Tỉnh An Giang
07/1986 – 05/1993:	Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
05/1993 – 02/1994:	Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
02/1994 – 03/1995:	Phó trưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất Cơ Khí An Giang
03/1995 – 08/1995:	Phó Quản đốc Xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
08/1995 – 03/1996:	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
03/1996 – 06/1997:	Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/1997 – 11/1998:	Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang – phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
11/1998 – 05/1999:	Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang
05/1999 đến nay:	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang
11/2007 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
07/2015 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 58.275 cổ phần, chiếm 1,77% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Huỳnh Văn An – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
08/1996 – 05/2003:	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2003 – 09/2011:	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
09/2011 – 09/2021:	Trưởng phòng Kỹ thuật và Đầu tư Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
04/2019 đến nay:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
03/2022 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco
05/2022 đến nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 53.198 cổ phần, chiếm 1,62% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





Lý lịch Ban điều hành

Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh – Thư ký HĐQT kiêm Trưởng phòng TCKT

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
08/2005 – 08/2011:	Nhân viên Kế toán CTCP Giấy Tân Việt Phát
05/2012 – 06/2021:	Phụ trách Kế toán Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên
05/2016 đến nay:	Kiểm soát viên tại Công Ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ khí An Giang
06/2017 đến nay:	Chủ hộ kinh doanh tại HKD CH Kinh Doanh Đông Trùng Hạ Thảo
09/2020 đến nay:	Kiểm soát viên tại Công Ty TNHH Liên Doanh Antraco
06/2021 đến nay:	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
12/2022 đến nay:	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán kiêm Người phụ trách Quản trị Công ty, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ hộ kinh doanh tại HKD CH Kinh Doanh Đông Trùng Hạ Thảo, Kiểm soát viên tại Công Ty TNHH Liên Doanh Antraco và Công Ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2022

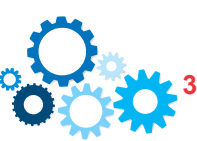
Bổ nhiệm chức vụ Người phụ trách Quản trị Công ty đối với bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh vào ngày 15/12/2022.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	188	100%
1	Trình độ trên đại học	2	1,06%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	62	32,98%
3	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	39	20,74%
4	Công nhân kỹ thuật	53	28,19%
5	Lao động phổ thông	32	17,02%
B	Theo giới tính	188	100%
1	Nam	178	94,68%
2	Nữ	10	5,32%
C	Theo tính chất hợp đồng lao động	188	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn dưới 1 năm	0	0%
2	Hợp đồng có xác định thời hạn 1 – 3 năm	19	10,11%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	169	89,89%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng lao động bình quân (người)	228	227	222	188
Tiền lương bình quân (đồng/người/năm)	104.160.000	103.800.000	79.800.000	99.600.000





CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Doanh nghiệp, vì vậy Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn tạo điều kiện cho người lao động được yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty.

Do đó, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục cải thiện như các chế độ tiền lương, tiền thưởng của người lao động đều có quy chế rõ ràng, phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đảm bảo sức cạnh tranh trong thị trường lao động.

Về đào tạo:

Để đảm bảo sự ổn định và nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên cho doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn chú trọng xây dựng những chính sách phát triển nguồn nhân lực hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của người lao động. Cụ thể, Công ty đã xây dựng và tổ chức nhiều buổi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn giúp nhân viên cải thiện năng lực và hỗ trợ nhân viên hoàn thành tốt các công việc được giao.

Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút và chào đón tất cả những ứng viên đang quan tâm tìm kiếm một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả - nơi mỗi cá nhân có thể tự do phát huy tối đa khả năng và kiến thức chuyên môn của mình. Vì vậy, Công ty đã đề ra các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể theo từng vị trí công tác, đảm bảo sự công bằng giữa các ứng viên được thử sức ở Công ty. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức hướng dẫn, bổ túc chuyên môn nhằm hỗ trợ người lao động thích nghi với môi trường làm việc, nâng cao năng lực của người lao động, nâng cao năng suất lao động,...

Môi trường công việc:

Với chiến lược phát triển hiện nay thì yếu tố “con người” sẽ quyết định sự thành công hay thất bại của Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đầu tư để đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, máy móc và thiết bị cần thiết cho người lao động để phục vụ cho công việc. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp minh bạch và cởi mở, tạo dựng nên một môi trường làm việc thân thiện và tôn trọng lẫn nhau, từ đó người lao động có thể cảm thấy mình là một phần của Doanh nghiệp và yên tâm cống hiến cũng như gắn bó với Công ty.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đảm bảo các chế độ về phúc lợi và chính sách xã hội theo đúng luật lệ và quy định của nhà nước. Cụ thể, Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... cho người lao động; ngoài chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết theo quy định của Bộ luật Lao động, Công ty còn có các chế độ phúc lợi cao hơn cho nhân viên trong trường hợp nghỉ việc riêng vẫn được hưởng nguyên lương khi kết hôn, gia đình có tiết hỷ, có tang gia,... Ngoài ra, người lao động tại Công ty còn được hưởng các khoản trợ cấp khi nghỉ hưu hoặc hết tuổi lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng thang bảng lương, thưởng cụ thể và lộ trình thăng tiến rõ ràng theo từng vị trí công tác để đảm bảo công bằng, công khai với hiệu quả làm việc của từng nhân viên.

Không chỉ vậy, Công ty còn có những chính sách cụ thể nhằm nâng cao sức khỏe và môi trường làm việc cho nhân viên như: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động làm các công việc trực tiếp tại xưởng sản xuất. Thêm vào đó, các hoạt động thể dục thể thao cũng được tổ chức định kỳ nhằm giúp cán bộ công nhân viên của Công ty rèn luyện sức khỏe và tăng tính đoàn kết qua các hoạt động tập thể. Vào các dịp Lễ, Tết (Trung thu, Quốc tế thiếu nhi, Tết Âm lịch,...) Công ty sử dụng các nguồn quỹ hiện có để tặng quà người lao động và gia đình. Nhờ vậy, Công ty đã tạo được động lực làm việc cũng như khích lệ nhân viên đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của Công ty.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện các dự án đầu tư lớn.



CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên

Địa chỉ: Số 1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất các cấu kiện kim loại

Vốn điều lệ thực góp: 4.584.859.059 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	15.217	8.961	+58,9
Doanh thu	Triệu đồng	13.283	18.366	+138,3
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	213	278	+130,5
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	213	278	+130,5

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ Khí An Giang

Địa chỉ: Số 839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	18.777	20.308	+108,2
Doanh thu	Triệu đồng	17.244	17.067	+99
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	221	(2.114)	-
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	190	(2.114)	-

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH Liên Doanh Antraco

Địa chỉ: Ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Vốn điều lệ thực góp: 7.956.213.357 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49% vốn điều lệ, 50% quyền biểu quyết

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	253.979	286.413	+112,8
Doanh thu	Triệu đồng	554.812	711.658	+128,3
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	63.053	77.684	+123,2
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	47.602	59.572	+125,1



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm	
				Giá trị	Tỷ trọng
1	Tổng giá trị tài sản	149.223	174.427	+25.204	+16,89%
2	Doanh thu thuần	114.257	154.724	+40.467	+35,42%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.509	22.401	+4.892	+27,94%
4	Lợi nhuận khác	(1.039)	(445)	+594	-
5	Lợi nhuận trước thuế	16.470	21.956	+5.486	+33,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	16.952	21.674	+4.722	+27,86%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35%	-	-	-



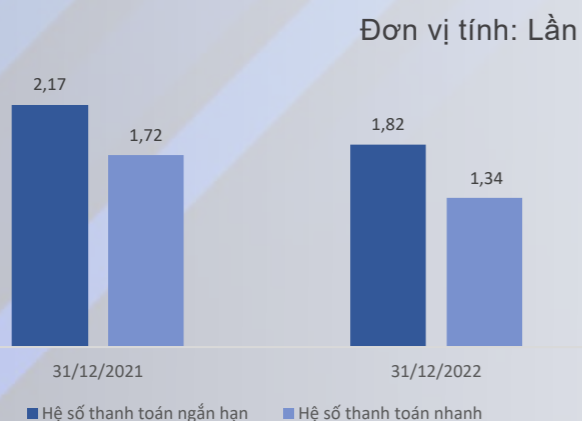
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,17	1,82
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,72	1,34
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,79	41,04
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	53,36	69,61
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,53	4,82
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,77	0,96
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,84	14,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,97	21,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,42	13,39
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,32	14,48



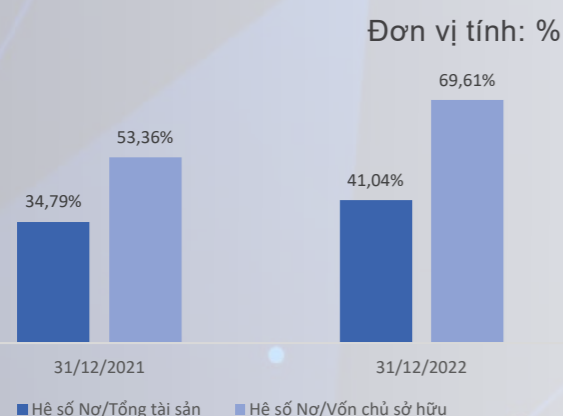
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Tính đến ngày 31/12/2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có ghi nhận sự sụt giảm so với năm 2021. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm 0,35 lần từ 2,17 lần xuống còn 1,82 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm 0,38 lần từ 1,72 lần xuống còn 1,34 lần. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm trong các hệ số thanh toán này đến từ sự tăng trưởng của nợ ngắn hạn của Công ty trong năm.

Nợ ngắn hạn được ghi nhận tăng 37,67% (từ 51.743 triệu đồng lên 71.236 triệu đồng), mức tăng này chủ yếu đến từ khoản mục phải trả người bán ngắn hạn. Trong năm qua tuy Công ty đã thanh toán bớt khoản nợ vay tài chính ngắn hạn nhưng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nên Công ty có phát sinh thêm các khoản nợ đối với các nhà cung cấp. Kéo theo khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 10.052 triệu lên đến 37.621 triệu đồng (tăng gần 274,26%). Nhìn chung, Công ty có sự tự chủ tài chính tương đối tốt và Công ty cũng đã tận dụng được lợi thế về nguồn vốn, từ đó cải thiện dòng tiền cho Công ty.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

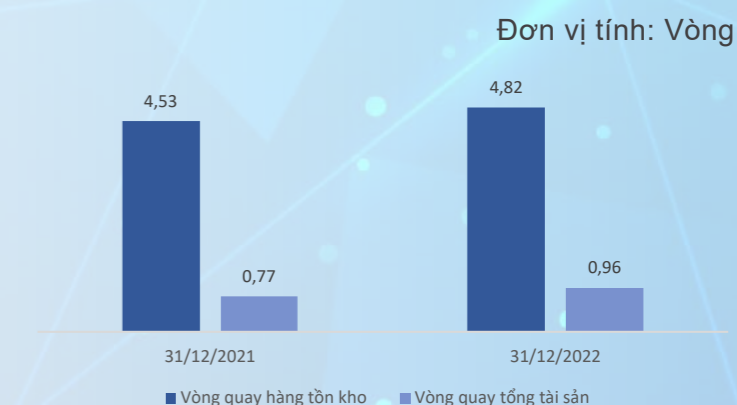


Tính đến thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận tăng gần 17%, tổng nguồn vốn tăng nhẹ 5,77%; trong khi đó tổng nợ lại tăng mạnh 37,88% so với cùng kỳ năm trước đó. Cụ thể, tổng nợ của Công ty tăng 19.667 triệu đồng và đạt 71.585 triệu đồng năm 2022, trong đó nợ ngắn hạn tăng rất cao do trong năm Công ty phát sinh thêm một số khoản nợ ngắn hạn đối với nhà cung cấp của mình. Trong khi đó, tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ hơn và đạt 174.427 triệu đồng và vốn chủ sở hữu đạt 102.842 triệu đồng. Theo

đó, các hệ số về cơ cấu vốn năm 2022 đồng loạt tăng so với năm 2021. Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đều tăng, lần lượt đạt 41,04% và 69,61%.

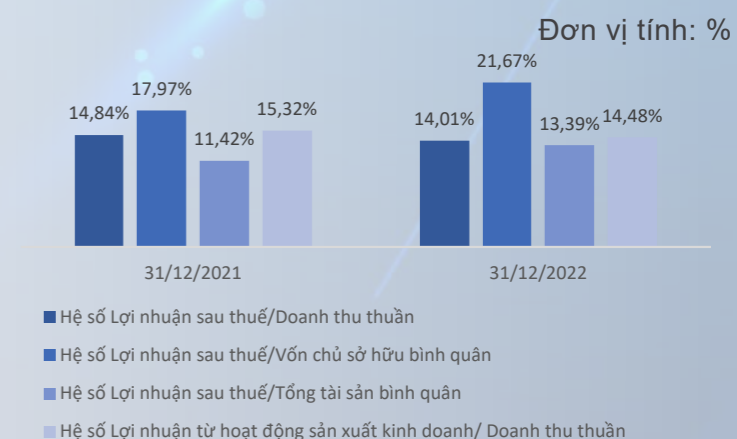
Nhìn chung, trong năm nay Công ty đã sử dụng vốn từ các khoản nợ để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nhiều hơn khiến cho hai hệ số cơ cấu vốn đều tăng mạnh. Tuy nhiên, các khoản nợ không đến từ khoản vay tài chính, nên Công ty không phải chịu nhiều ảnh hưởng từ tình hình lãi suất biến động như năm nay, điều này cho thấy Công ty vẫn đang duy trì ổn định về cơ cấu vốn.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Trong năm 2022, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều có ghi nhận sự tăng trưởng so với năm trước đó. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng 0,29 vòng từ 4,53 vòng lên 4,82 vòng do giá vốn hàng bán của Công ty tăng trưởng hơn 41%, từ 97.396 triệu đồng lên mức 137.530 triệu đồng. Đồng thời, trong năm nay Công ty đã tập trung đẩy mạnh công tác sản xuất và kinh doanh máy cơ khí làm cho doanh thu tăng trưởng trên 35%, so với cùng kỳ năm trước đó, từ 114.257 triệu đồng lên 154.724 triệu đồng. Theo đó, số vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng tăng nhẹ từ 0,77 vòng lên 0,96 vòng (tăng 0,19 vòng). Sự tăng trưởng đối với các chỉ tiêu này đã cho thấy năng lực hoạt động của Công ty đang đạt được sự tăng trưởng tốt và đang trên đà lớn mạnh hơn.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Trong năm 2022, mặc dù tình hình kinh tế Thế giới có nhiều biến động phức tạp. Tuy nhiên, đối với tình hình kinh tế Việt Nam đã bắt đầu khởi sắc trở lại sau thời gian trì trệ do ảnh hưởng của đại dịch, nhờ vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã ghi nhận được các kết quả khả quan. Tuy doanh thu xây dựng các loại cầu và doanh thu cung cấp dịch vụ trong năm nay có sự suy giảm nhẹ lần lượt 2,56% và 1,80%; nhưng bù lại khoản doanh thu bán thành phẩm và doanh thu bán hàng hóa đã đạt được những thành quả ấn tượng: doanh thu bán thành phẩm tăng trưởng hơn 116% so với năm trước đó (từ 34.987 triệu đồng lên 75.634 triệu đồng); doanh thu cung cấp dịch vụ cũng tăng trưởng gần 11% (từ 14.006 triệu đồng lên 15.486 triệu đồng).

Theo đó, tỷ số ROS giảm nhẹ từ 14,84% xuống còn 14,01% (giảm 0,83%), tỷ số ROE tăng từ 17,97% lên 21,67% (tăng 3,70%), tỷ số ROA tăng từ 11,42% lên mức 13,39% (tăng gần 2%). Để đảm bảo duy trì được mức tăng trưởng này, Công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị trong việc triển khai thích ứng với từng trường hợp. Hơn nữa, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ không ngừng kiện toàn mô hình kinh doanh và tăng cường hoàn thiện các dịch vụ của mình để có cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.286.404 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.286.404 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.286.404 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Số lượng chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 27/07/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	3.280.404	32.803	99,82%
1	Cổ đông Nhà nước	1.558.072	15.580	47,41%
2	Cá nhân	1.595.458	15.956	48,55%
3	Tổ chức	126.874	1.269	3,86%
II	Cổ đông nước ngoài	6.000	60	0,18%
1	Cá nhân	6.000	60	0,18%
2	Tổ chức	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
Tổng cộng		3.286.404	32.864	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày: 27/07/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.558.072	15.580.720.000	47,41%
Tổng cộng		1.558.072	15.580.720.000	47,41%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã xác định việc tuân thủ các quy định về môi trường là một trong những việc gắn liền với sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn tuân thủ các chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị và chỉ đạo chặt chẽ. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu Trưởng các Phòng, Ban, Bộ Phận tuyên truyền và phổ biến đến toàn bộ người lao động về tầm quan trọng của việc thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường. Các quy định này bao gồm các chỉ thị của Thủ Tướng Chính Phủ, các quy định của Sở, Ban, Ngành địa phương về các công tác như: Tiêu thụ nước, sử dụng năng lượng, phát thải...

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty còn đã xây dựng kế hoạch và đôn đốc kiểm tra, báo cáo định

kỳ thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện các quy định đã ban hành. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất cơ khí nên các hệ thống máy móc, thiết bị được Công ty sử dụng cho công tác sản xuất thường sử dụng nguồn nhiên liệu từ xăng, dầu,... là tác nhân gây ra phát thải khí nhà kính. Chính vì vậy, để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm tra định mức tiêu hao nhiên liệu, đảm bảo công tác vận hành của hệ thống được trơn tru, tránh gây lãng phí nguồn nhiên liệu, đây cũng là phương pháp giúp Công ty hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động của mình và có sự điều chỉnh hợp lý để đạt được mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Một trong những mục tiêu của ban lãnh đạo là sử dụng nguồn nguyên liệu hợp lý và tiết kiệm. Việc quản lý nguyên vật liệu hiệu quả trong quy trình sản xuất sẽ giúp tối ưu chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và thu hút được nhiều khách hàng với mức giá hợp lý. Tuy nhiên, thiếu hụt nguyên liệu sẽ gây gián đoạn sản xuất và không đủ sản lượng cung cấp cho thị trường, dẫn đến khách hàng chuyển sang các mặt hàng khác. Điều này sẽ gây thiệt hại cho doanh nghiệp, không chỉ trong ngắn hạn mà còn dài hạn. Do đó, để đảm bảo được nguồn đầu vào không bị gián đoạn, Công ty luôn chủ động dự trữ các nguyên vật liệu cần thiết trước mùa cao điểm hàng hóa và quản lý hiệu quả để tăng năng suất, sản lượng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường.

Việc quản lý nguyên vật liệu hiệu quả không chỉ giúp tối ưu chi phí mà còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường. Sử dụng nguồn nguyên liệu tái chế, sử dụng các công nghệ sản xuất sạch sẽ và tiết kiệm năng lượng cũng là các giải pháp giúp giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động sản xuất đến môi trường. Việc áp dụng các giải pháp này cũng giúp tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, việc quản lý nguyên vật liệu cần phải được thực hiện một cách hợp lý và có kế hoạch. Các quy trình cần được định rõ, việc tìm kiếm và lựa chọn nguồn cung ứng phù hợp cũng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo nguồn cung ứng đủ và ổn định. Cùng với đó, việc đánh giá và giám sát chất lượng của nguyên liệu là một bước quan trọng để đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Bên cạnh đó, các mặt hàng xăng dầu, nguyên liệu được Công ty nhập trong năm với mục đích sử dụng vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu thụ ra thị trường, vì vậy các nguyên liệu sẽ không được tái chế để sử dụng lại trong quá trình hoạt động.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Vấn đề tiết kiệm năng lượng luôn được đặt lên hàng đầu, vì vậy Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cũng đặt biệt quan tâm đến việc tiết kiệm và sử dụng năng lượng một cách hợp lý, khoa học. Việc sử dụng năng lượng hợp lý không chỉ đóng góp tích cực cho bảo vệ môi trường mà còn giúp giảm chi phí sản xuất, đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

Trong những năm qua, Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu để cắt giảm chi phí, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cụ thể, Công ty đã lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; đồng thời xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá, tổ chức kiểm tra định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại phương tiện, thiết bị phù hợp với từng điều kiện hoạt động khai thác của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng nhằm tiết kiệm lượng điện năng tiêu thụ cũng như Công ty đã tích cực tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng,...



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty nhận thức được rằng nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, vì vậy mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp phải biết sử dụng hợp lý nhằm bảo vệ nguồn nước không bị cạn kiệt và còn giúp bảo vệ môi trường. Lượng nước tiêu thụ tại Công ty chủ yếu lượng nước tiêu thụ tại Công ty chủ yếu là nước để làm mát máy móc thiết bị và một phần là nước sinh hoạt. Công ty luôn đảm bảo lượng nước tiêu thụ luôn được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động.

Bên cạnh đó, để tiết kiệm nước và hạn chế việc thải nước thải sinh hoạt gây ảnh hưởng đến môi trường Công ty đã đưa ra các quy định về vấn đề sử dụng nước cũng như quy định về xử lý nước thải.

Đồng thời, Công ty còn tiến hành kiểm tra định kỳ lượng nước sử dụng nhằm đưa ra giải pháp và hướng xử lý kịp thời khi lượng nước sử dụng vượt quá định mức thông thường. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên nhắc nhở nhân viên sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả cũng như không được xả nước thải sử dụng trực tiếp ra môi trường mà phải thông qua các bước xử lý theo đúng quy định.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Vấn đề ô nhiễm môi trường là một trong những thách thức khó khăn mà Nhà nước, các doanh nghiệp và cả công dân đều phải đối mặt. Hiện nay, tình trạng ô nhiễm ngày càng trầm trọng hơn với việc xuất hiện nhiều nhà máy và xí nghiệp không tuân thủ đầy đủ quy định về xử lý chất thải và rác thải của Nhà nước để bảo vệ môi trường. Với nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã tập trung áp dụng chính sách và quy định của Nhà nước liên quan đến môi trường và luôn đảm bảo nghiêm túc tuân thủ các quy định môi trường. Công ty cũng đã thiết lập các quy định nghiêm ngặt hơn về xử lý chất thải và nước thải để đảm bảo rằng không có tình trạng ô nhiễm môi trường và nguồn nước.

Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến hệ sinh thái và môi trường xung quanh. Công ty thường xuyên thực hiện việc cắt tỉa cây cối và thu gom rác thải theo đúng quy định để tạo ra một môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp và chuyên nghiệp. Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của Công ty mà còn là trách nhiệm của tất cả nhân viên. Đây cũng là phương châm mà Công ty thường xuyên tuyên truyền và khuyến khích tất cả nhân viên thực hiện để cùng nhau bảo vệ môi trường. Nhờ vào việc tuân thủ quy định môi trường, Công ty đã không vi phạm pháp luật liên quan đến ô nhiễm môi trường trong suốt những năm hoạt động.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng lao động bình quân của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tính đến ngày 31/12/2022 là 188 người. Tiền lương bình quân năm 2022 là 99,6 triệu đồng/người/năm. Mỗi nhân viên là tài sản quý, là nhân tố quan trọng nhất của Công ty, chính vì vậy đời sống và sức khỏe của nhân viên là điều quan trọng nhất mà Công ty luôn đề tâm và đặt lên hàng đầu.

Chính vì vậy, việc quản lý và chăm sóc nguồn nhân lực luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Công ty cam kết bảo đảm ổn định việc làm cho toàn bộ nhân viên, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, giúp cho nhân viên yên tâm trong quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty còn có chính sách về thu nhập cạnh tranh và hợp lý cho các nhân viên, bảo đảm cho nhân viên được hưởng lương đầy đủ, thỏa đáng với năng lực và kinh nghiệm của mỗi cá nhân.

Hơn nữa, Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Công đoàn của Công ty phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức các hoạt động hỗ trợ như trợ cấp cho người lao động khi gặp khó khăn, bệnh tật hay trong trường hợp gia đình khó khăn. Công ty còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, du lịch, nghỉ mát... nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên của mình. Điều này không chỉ giúp tăng hiệu suất làm việc, tinh thần trách nhiệm của nhân viên mà còn tạo nên một môi trường làm việc thoải mái, chuyên nghiệp và đầy đủ sự phát triển. Với những chính sách đó, Công ty không chỉ mang lại lợi ích cho chính nhân viên mà còn góp phần xây dựng một nền kinh tế vững mạnh, bền vững cho cả xã hội.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn chú trọng đến trách nhiệm môi trường và trách nhiệm cộng đồng, nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững. Để thực hiện điều này, Công ty đã thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện tại địa phương và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia. Vì vậy, bên cạnh việc tập trung xây dựng các kế hoạch nội bộ nhằm cải thiện tình hình hoạt động của Công ty, góp phần cải thiện nền kinh tế địa phương Công ty còn kêu gọi và khuyến khích mọi người cùng nhau chung tay, góp sức để sẻ chia và hỗ trợ đối với các trường hợp người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chú trọng đến trách nhiệm xã hội và đóng góp cho cộng đồng là một trong những giá trị cốt lõi của Công ty đồng thời góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh công ty trong mắt khách hàng và cộng đồng.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Hiện tại, Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



- 59 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 61 Tình hình tài chính
- 63 Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý
- 64 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 64 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 65 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã quay trở lại tình hình bình thường mới khi Covid – 19 không còn là rào cản cho các hoạt động kinh tế - xã hội. So với năm 2021, năm nay được đánh giá là cơ hội để các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động cũng đã tạo ra nhiều khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nói chung và Công ty nói riêng. Chính vì vậy, tập thể cán bộ, công nhân viên Công ty đã không ngừng cố gắng để hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bên cạnh những kết quả kinh doanh đạt được, Công ty đã nỗ lực thực hiện tốt các giải pháp trong công tác quản lý tài chính, dự phòng rủi ro tài chính, quản lý cân đối dòng tiền, góp phần làm tăng lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Thuận lợi:

Kinh tế - xã hội của tỉnh đang trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch COVID-19, các doanh nghiệp đang tập trung đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, người dân sản xuất nông nghiệp đang vào mùa thu hoạch, nên nhu cầu sử dụng các loại máy nông nghiệp tăng cao, là cơ hội để Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty còn nhận được sự chỉ đạo, quan tâm sâu sắc đến từ Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang đã tạo điều kiện cho Công ty hoạt động. Quản lý chặt các định mức chi phí để hạ giá thành, tạo được thế cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành trong khu vực. Chủ động từ bước đầu tư, nâng cấp, tu sửa nhà xưởng, trang thiết bị kịp thời đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

Khó khăn:

Với tình hình kinh tế biến động khó lường như năm nay đã gây nên nhiều thách thức cho Công ty khi nhiều đối tác cũng chịu nhiều khó khăn dẫn đến việc cắt giảm sản lượng. Hơn nữa, việc xử lý hàng tồn kho và công nợ cũng như định hướng phát triển sản phẩm vẫn đang là thách thức lớn đối với Công ty.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



Hệ thống quy chế quản trị, quản lý nội bộ, điều lệ tổ chức hoạt động ngày càng được hoàn thiện hơn, từ đó tạo nên nền tảng để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng mục tiêu đã đặt ra. Công ty có sự phân chia rõ ràng về mục đích, chức năng theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ từng phòng ban. Qua mỗi năm, Công ty đánh giá được sự tiến bộ của các phòng ban.



Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt của Công ty, ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển của Công ty. Do vậy, công tác quản lý nhân lực luôn được Ban Lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Công ty ưu tiên lựa chọn những lao động vừa tạo ra năng suất cao vừa đảm bảo được chất lượng công việc. Khối nhân sự của Công ty được phân công công việc theo đúng mục đích, khả năng và chuyên môn, hạn chế tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty.



Để tạo ra động lực thúc đẩy người lao động tích cực làm việc, cống hiến cho Công ty, Công ty thực hiện các chính sách khen thưởng, tuyên dương đối với mỗi cá nhân, tập thể phòng ban có thành tích cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện gắn kết các nhân viên, phòng ban với nhau, tạo nên môi trường làm việc thoải mái, gần gũi trên tinh thần đoàn kết cho đội ngũ lao động.



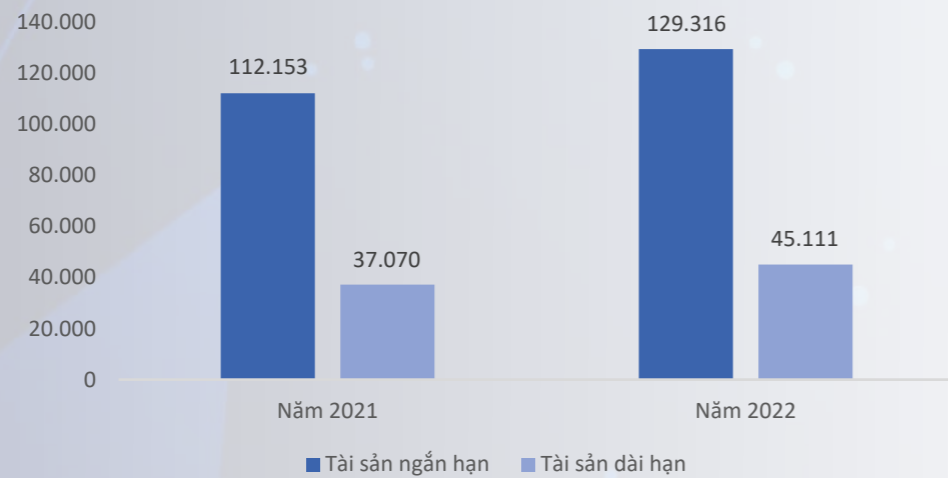


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	112.153	75,16%	129.316	74,14%	17.163	15,30%
Tài sản dài hạn	37.070	24,84%	45.111	25,86%	8.041	21,69%
Tổng tài sản	149.223	100%	174.427	100%	25.204	16,89%



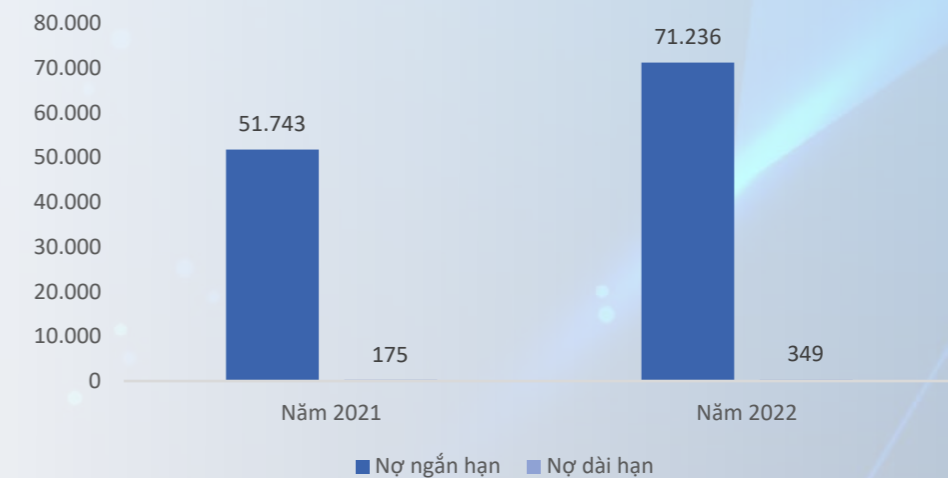
Kết thúc năm 2022, tổng tài sản của Công ty đạt 174.427 triệu đồng tăng 16,89% so với năm 2021. Cơ cấu tài sản của Công ty không có sự thay đổi, tài sản ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao hơn với 74,14% và tài sản dài hạn chiếm 25,86% tỷ trọng. Với đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại máy nông nghiệp nên tài sản ngắn hạn của Công ty luôn ở mức cao hơn, trong năm nay tổng tài sản của Công ty có ghi nhận mức tăng 16,89%, từ 149.223 triệu đồng lên 174.427 triệu đồng.

Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 17.163 triệu đồng, tương ứng với hơn 15% do Công ty tăng dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho cũng ghi nhận mức tăng cao. Bên cạnh đó, tài sản dài hạn cũng có sự tăng trưởng 21,69%, sự gia tăng này chủ yếu đến từ khoản đầu tư tài chính dài hạn, cụ thể là phần lợi nhuận Công ty thu được từ việc đầu tư vào Công ty liên doanh – Công ty TNHH Liên doanh Antraco khiến cho khoản mục này tăng gấp hai lần so với cùng kỳ năm trước đó (từ 7.956 triệu đồng lên 15.740 triệu đồng).

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	51.743	99,66%	71.236	99,51%	19.493	37,67%
Nợ dài hạn	175	0,34%	349	0,49%	174	99,43%
Tổng nợ phải trả	51.918	100%	71.585	100%	19.667	37,88%



Tình hình nợ phải trả của Công ty trong năm 2022 có xu hướng tăng và đạt mức 71.585 triệu đồng (tăng 37,88% so với năm 2021). Xét về cơ cấu nợ của công ty, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao với 99,51% và đạt 71.236 triệu đồng (tăng 37,67% so với cùng kỳ năm 2021). Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty gia tăng các khoản nợ ngắn hạn đối với các nhà cung cấp để phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với nợ dài hạn, chỉ chiếm 0,49% tỷ trọng trên tổng nợ, ghi nhận sự tăng trưởng mạnh lên đến 99,43% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, nợ dài hạn tăng không đến từ các khoản vay tài chính mà từ khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Công ty. Điều này cho thấy Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang kiểm soát tốt cơ cấu nợ của doanh nghiệp, tập trung vào quản lý nguồn vốn lưu động để hoạt động kinh doanh và chưa có kế hoạch mở rộng đầu tư dài hạn.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

Công ty vẫn tiếp tục ứng dụng internet nói chung và các kênh mạng xã hội nói riêng như web, facebook, zalo, youtube để giới thiệu các sản phẩm, thực hiện các quảng bá về Công ty cũng như tuyển dụng. Sử dụng kênh phân phối các sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng thông qua các Trung tâm Khuyến nông, khách hàng thân thiết, đại lý. Công ty tiếp tục chính sách giá theo thị trường nhằm củng cố và mở rộng thị trường. Thường xuyên phối hợp với các đại lý công ty, các Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, các kênh công nghệ, diễn đàn có liên quan đến ngành cơ khí để nắm rõ nhu cầu thị trường, đặc biệt là người nông dân. Tiếp tục làm tốt công tác quan hệ với các địa phương đối với sản phẩm cầu thép.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty vẫn khuyến khích nhân viên trong Công ty nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới phục vụ cho thu hoạch, sau thu hoạch, các máy phục vụ sản xuất và cầu thép phục vụ giao thông nông thôn. Công ty vẫn duy trì các chính sách thường, tuyên dương đối với các cá nhân, tập thể tham gia nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới kèm với việc tổ chức các buổi chạy thử nghiệm các sản phẩm mới thiết kế.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Công tác quản lý và điều hành các hoạt động toàn Công ty luôn được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành đặt nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Trong năm, Công ty có tuyển dụng công nhân mới, nhưng do có thay đổi nhân sự quá nhiều, công nhân mới thì chưa quen việc và chưa có kinh nghiệm trong công tác. Từ đó làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty. Trong năm tiếp theo, Ban Điều hành sẽ cần thay đổi, cải thiện công tác tổ chức để phù hợp quy định lao động cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty..



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	Tỷ lệ KH2023/TH2022
1	Tổng doanh thu	199.500	193.188	103,27%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	157.000	154.723	101,47%
	Doanh thu bán hàng nội bộ	25.000	14.762	169,35%
	Doanh thu hoạt động tài chính và lãi trong Công ty liên doanh, liên kết	17.500	23.703	73,83%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	20.350	21.956	92,69%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	19.930	21.674	91,95%

Kế hoạch hoạt động năm 2023 sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Kiểm toán Quốc tế Chi nhánh Sài Gòn đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang không chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà còn đặc biệt chú trọng đến các vấn đề xã hội như bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo là cơ quan quản lý chính có trách nhiệm thực hiện và triển khai các kế hoạch cụ thể liên quan đến việc bảo vệ môi trường sống tại doanh nghiệp và địa phương; được giao nhiệm vụ phối hợp với chính quyền địa phương để đưa ra các quyết sách quan trọng nhằm giải quyết phần nào các vấn đề liên quan đến môi trường. Ban lãnh đạo cũng chỉ đạo các cấp quản lý bên dưới để bảo vệ nguồn xanh của trái đất thông qua việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm nước, tiết kiệm điện năng, phân loại và xử lý chất thải,...

Tiêu thụ nước:

Nước là nguồn tài nguyên thiên nhiên không thể thiếu trong quá trình hoạt động và sản xuất của mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng nước một cách tối ưu và hiệu quả lại là vấn đề không hề dễ dàng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Để tránh lãng phí nguồn nước cũng như sử dụng nước không hiệu quả, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung quán triệt, tuyên truyền và củng cố nhận thức cho người lao động tại Công ty. Các hoạt động này được thực hiện thông qua tổ chức các buổi sinh hoạt tập trung nhằm nâng cao ý thức trong cộng đồng nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn nước một cách định kỳ để tránh tình trạng rò rỉ và thất thoát nước.



Tiêu thụ năng lượng:

Việc tuân thủ các quy định về tiêu thụ và tiết kiệm năng lượng điện năng trong suốt quá trình sản xuất là một trong những cam kết của Công ty. Tại đây, Công ty tập trung vào việc sử dụng năng lượng hiệu quả và tối ưu hóa tài nguyên. Đồng thời, các biện pháp tiết kiệm năng lượng cũng được triển khai một cách chặt chẽ để hạn chế sử dụng điện khi không cần thiết. Tất cả những hoạt động này được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và lãnh đạo Công ty, để đảm bảo tính bền vững và sự tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Con người được coi là một yếu tố quan trọng trong quá trình hội nhập và phát triển của doanh nghiệp. Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, nhận thức được tầm quan trọng của con người trong vai trò đó, vì vậy Công ty đã đặc biệt chú trọng đến các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động.

Cụ thể, Công ty đã thực hiện các chính sách tiên tiến nhằm đảm bảo lợi ích của người lao động và tạo cơ hội cho họ tham gia và phát triển bản thân. Trong đó, việc tuyển dụng và đào tạo được đặc biệt quan tâm và thực hiện một cách cẩn thận để đảm bảo chất lượng nhân sự. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi cũng được xây dựng với mục tiêu bảo vệ quyền lợi của người lao động. Hơn nữa, môi trường làm việc cũng được quan tâm và phát triển để tạo ra một môi trường chuyên nghiệp, thân thiện và đoàn kết giữa các thành viên trong Công ty. Chính vì vậy, trong năm 2022, Công ty đã vinh dự được Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trao tặng bằng khen với danh hiệu “Doanh nghiệp vì người lao động”.

Đây là các nỗ lực của Công ty để đảm bảo rằng nhân viên của họ có thể làm việc hiệu quả và đóng góp tích cực cho sự phát triển của Công ty. Điều này cũng đồng nghĩa với việc Công ty xác định rằng, tầm quan trọng của con người không chỉ là trong việc giúp Công ty phát triển mà còn là trong việc tạo ra giá trị cho xã hội nói chung.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang nhận thức rõ sự tiến triển của Công ty liên quan chặt chẽ đến nền tảng vững chắc từ địa phương. Do đó, Công ty tập trung vào hoạt động hướng về địa phương bằng cách tham gia các hoạt động thiện nguyện được tổ chức tại tỉnh An Giang như: ủng hộ kinh phí đối với các hoạt động Đại hội thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh, gây quỹ ủng hộ cho những người gặp khó khăn tại địa phương, ... Tất cả những hoạt động này nhằm tăng cường sự phát triển bền vững và đóng góp tích cực vào cộng đồng địa phương.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 69 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 70 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- 71 Các định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Công ty cũng sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và nước phục vụ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần tiết kiệm cho toàn bộ CBCNV nhằm tối thiểu chi phí cho Công ty.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty đã và đang giải quyết vấn đề việc làm cho hàng trăm người lao động. Mỗi cán bộ công nhân viên đều đảm bảo về quyền lợi và trách nhiệm của mình đối với Công ty và xã hội. Công ty đã tạo ra môi trường được xem là tốt nhất, phù hợp nhất để mỗi cá nhân phát huy được năng lực bản thân, đóng góp một phần sức lực vào thành quả chung. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng công tác chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động, thăm hỏi, tặng quà cho các cán bộ hưu trí vào dịp Lễ, Tết; tổ chức các buổi giao lưu văn hóa, hoạt động thể thao cho cán bộ công nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện vì cộng đồng như: Tham gia chương trình “Vạn tấm lòng vàng”, ủng hộ quỹ “nạn nhân chất độc da cam”, ủng hộ các địa phương chăm lo cho người nghèo, ủng hộ phong trào “Toàn dân bảo vệ Tổ quốc”; trợ cấp, phụng dưỡng mẹ liệt sĩ, gia đình chính sách, con của Liệt sĩ, vận động người lao động tham gia hiến máu tình nguyện...



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện chỉ đạo, giám sát Giám đốc Công ty và các cán bộ bộ phận quản lý khác trong điều hành thông qua việc đánh giá thực hiện các quy chế, quy định và kế hoạch sản xuất kinh doanh tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Ngoài ra, định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị còn yêu cầu Ban Giám đốc lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng những thuận lợi, khó khăn trong công tác điều hành.

Trong quá trình giám sát, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy Ban Giám đốc đã chủ động, tích cực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã đề ra trong năm; đảm bảo hiệu quả trong điều kiện chịu tác động lớn về biến động giá của chi phí đầu vào. Bên cạnh đó, các tờ trình và quyết định của Ban Giám đốc được ban hành đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Khó khăn phía trước vẫn còn, Hội đồng quản trị cần phối hợp với Ban điều hành đưa ra nhiều giải pháp, sáng kiến và triển khai thực hiện để vượt qua giai đoạn khó khăn này. Đặc biệt, Hội đồng quản trị sẽ dành nguồn lực để tập trung cho các hoạt động sau:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tiếp tục tập trung vào sản phẩm tự sản xuất, duy trì vị thế trên thị trường nội tỉnh, phát triển thị trường ngoại tỉnh, đồng thời tăng cường hợp tác với các công ty trong khu vực Đông Nam Á.

Hoàn thiện danh mục sản phẩm, tìm kiếm, mở rộng các kênh, các chuỗi phân phối được đồng thời thực hiện cải thiện hiệu quả các các kênh bán hàng.

VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, NGHIÊN CỨU VÀ CHẤT LƯỢNG

Đẩy mạnh hoạt động sản xuất các sản phẩm từ nguyên liệu sắt, kẽm, thép.

Rà soát, cải tiến các quy trình sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

Thắt chặt công tác quản trị chất lượng sản phẩm, mang đến giá trị cao nhất cho người tiêu dùng.

VỀ HOẠT ĐỘNG MARKETING

Tăng cường hoạt động quảng bá sản phẩm chiến lược trên các kênh truyền thông.

Tham dự, tổ chức các buổi triển lãm, giới thiệu sản phẩm của Công ty ở các thị trường ngoại tỉnh và quốc tế.

VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ HÀNG TỒN KHO VÀ NGUYÊN LIỆU

Theo dõi sát sao tình hình xuất nhập hàng tồn kho, tránh tình trạng ứ đọng, hư hỏng làm giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Chủ động về nguồn nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo số lượng, chất lượng luôn đạt tiêu chuẩn tốt nhất, đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.

VỀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, đáp ứng yêu cầu phát triển cho tương lai.

Duy trì thu nhập bình quân của người lao động ổn định, đảm bảo các phúc lợi phù hợp cho người lao động, khuyến khích người lao động gắn bó và cống hiến cho Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 75 Hội đồng quản trị
- 89 Ban kiểm soát
- 94 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính tại ngày 31/12/2022:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Đông Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	103.143	1,62%
4	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	58.275	1,77%
5	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.198	1,62%



Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Quân Anh – Chủ tịch HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
09/1993 – 02/1995:	Trợ lý kỹ thuật phòng Kinh doanh Công ty Việt Hà, Tổng cục CNQP
03/1995 – 05/1999:	Kỹ sư thiết kế, Xí nghiệp TK, Công ty chiếu sáng TB Đô thị Hà Nội
06/1999 – 02/2002:	Giám đốc Xí nghiệp gia công nóng, Công ty chiếu sáng TB Đô thị Hà Nội
03/2022 – 08/2003:	Giám đốc Xí nghiệp kết cấu thép, Công ty chiếu sáng TB Đô thị Hà Nội
09/2003 – 09/2004:	Giám đốc Xí nghiệp ô tô, Công ty chiếu sáng TB Đô thị Hà Nội
10/2004 – 04/2005:	Phó Giám đốc, Nhà máy tủ lạnh, Công ty Nhựa và điện lạnh Hòa Phát
10/2005 – 01/2017:	Kỹ sư, Phó phòng KTĐT Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam
01/2017 – 03/2019:	Phó phòng ĐTXDCB Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
03/2019 – 06/2021:	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
04/2021 đến nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
06/2021 đến nay:	Trưởng ban Kế hoạch kinh doanh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Trưởng ban Kế hoạch kinh doanh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP;
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

0 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành:

Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Không có





Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Đồng Trọng Nghĩa – Thành viên HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
03/1982 – 05/1984:	Được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và sinh hoạt tại trường cấp III Long Thành
09/1984 – 06/1987:	Tiếp tục sinh hoạt Đoàn tại trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng
1987 – 1999:	Công tác và sinh hoạt Đoàn tại Công ty Vikyno – Khu Công nghiệp I, Biên Hòa, Đồng Nai
1999 – 2003:	Trường thành Đoàn và tiếp tục công tác tại Vikyno Phó phòng Kế hoạch vật tư Công ty Vikyno
05/2003 – 02/2004:	Phụ trách Phòng điều độ sản xuất Công ty Vikyno
03/2004 – 2008:	Trưởng phòng điều độ sản xuất Công ty Vikyno
2008 – 10/2015:	Giám đốc sản xuất Công ty SVEAM
11/2015 – 07/2016:	Phó Tổng Giám đốc Công ty SVEAM
08/2016 – 01/2017:	Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy đúc VEAM
2017 đến nay:	Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam CTCP - Nhà Máy Đúc
05/2020 đến nay:	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam CTCP - Nhà Máy Đúc;
- Thành viên HĐQT CTCP NAKYKO.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Lê Thanh Vân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Xem thông tin lý lịch tại Phần II – Thông tin Ban điều hành

Ông Trần Văn Thái – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem thông tin lý lịch tại Phần II – Thông tin Ban điều hành

Ông Huỳnh Văn An – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Xem thông tin lý lịch tại Phần II – Thông tin Ban điều hành



Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2022

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Chí Thành vào ngày 06/05/2022.
 Bổ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT đối với ông Huỳnh Văn An vào ngày 06/05/2022.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp thường niên và bất thường cũng như đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn tích cực theo dõi, giám sát thường xuyên hoạt động kinh doanh của đơn vị để luôn kịp thời đề ra những chủ trương tháo gỡ khó khăn và định hướng giúp Ban điều hành đạt được kết quả tốt trong năm tài chính vừa qua.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	14/14	100%	
2	Đông Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	14/14	100%	
3	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	14/14	100%	
4	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	13/14	92,86%	Bận đi công tác
5	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	06/14	42,86%	Bổ nhiệm ngày 06/5/2022
6	Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	08/14	57,14%	Miễn nhiệm ngày 06/05/2022



Hội đồng quản trị đã tổ chức 14 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	18/NQ-CK	25/01/2022	Điều 1. Thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề tại khoản 1 Điều 4 của Điều lệ Công ty lần 6 ban hành ngày 16/11/2021, các ngành, nghề được bổ sung thêm như sau:
TT	Tên ngành, nghề kinh doanh		Mã ngành
1	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu		1709
2	Dịch vụ liên quan đến in		1812
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao		2395
4	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế		3100
5	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng		3250
6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu		3290
7	Sửa chữa máy móc, thiết bị		3312
8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa		4610
9	Bán buôn thực phẩm		4632
10	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép		4641
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế		4659
12	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh		4759
13	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh		4761
14	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh		4763
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh		4771
16	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí		7721

Điều 2: Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm thực hiện:
 - Thời gian: ngày 24 tháng 02 năm 2022;
 - Địa điểm: Phòng họp Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Thời gian chốt danh sách cổ đông: ngày 08 tháng 02 năm 2022;
- Nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo nội dung Điều 1;



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	18/NQ-CK	25/01/2022	<p>Điều 3. Giao các Phòng/Ban chuyên môn liên quan triển khai việc chuẩn bị và tổ chức thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
2	20/NQ-CK	25/01/2022	<p>Điều 1. Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Cơ khí An Giang với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Doanh nghiệp mà Công ty thực hiện ký kết hợp đồng giao dịch: Có danh sách kèm theo. - Đối tượng của hợp đồng, giao dịch: Xây lắp và thi công; Lắp đặt thiết bị; Gia công sản phẩm cơ khí; Mạ kẽm; Tài sản, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). - Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với các Doanh nghiệp là Công ty con: <p>Lĩnh vực xây lắp và thi công: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng)</p> <p>Lĩnh vực lắp đặt thiết bị, gia công sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, mua bán tài sản, hàng hóa phục vụ hoạt động SXKD: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 6.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ đồng)</p> <p>+ Đối với các Doanh nghiệp là Công ty liên kết, Cổ đông lớn và Doanh nghiệp của cổ đông lớn: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng)</p> - Thời hạn có hiệu lực thực hiện các hợp đồng giao dịch: Từ ngày 01/1/2022 đến ngày 31/12/2022. - Tổng giá trị các hợp đồng giao dịch (kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên): Có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 25.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng), chưa bao gồm thuế VAT. Nếu tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch trong thời hạn có hiệu lực nêu trên vượt quá hạn mức 25.000.000.000 đồng thì Ban Giám đốc Công ty phải trình lên Hội đồng quản trị xem xét phù hợp với Luật định.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung																																																			
2	20/NQ-CK	25/01/2022	<p>Điều 2. Giao/ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ký kết và thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo các nội dung nêu tại Điều 1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được thống nhất trong Nghị quyết HĐQT số 352/NQ-CK ngày 30/12/2021. - Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. <p>Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>																																																			
3	28/NQ-CK	08/02/2022	<p>Điều 1. Thông qua việc bổ sung thêm ngành nghề tại khoản 1 Điều 4 của Điều lệ Công ty lần 6 ban hành ngày 16/11/2021, các ngành, nghề được bổ sung thêm như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>TT</th> <th>Tên ngành, nghề kinh doanh</th> <th>Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu</td> <td>1709</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Dịch vụ liên quan đến in</td> <td>1812</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao</td> <td>2395</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế</td> <td>3100</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng</td> <td>3250</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</td> <td>3290</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Sửa chữa máy móc, thiết bị</td> <td>3312</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</td> <td>4610</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Bán buôn thực phẩm</td> <td>4632</td> </tr> <tr> <td>10</td> <td>Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép</td> <td>4641</td> </tr> <tr> <td>11</td> <td>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế</td> <td>4659</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</td> <td>4759</td> </tr> <tr> <td>13</td> <td>Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</td> <td>4761</td> </tr> <tr> <td>14</td> <td>Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh</td> <td>4763</td> </tr> <tr> <td>15</td> <td>Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh</td> <td>4771</td> </tr> <tr> <td>16</td> <td>Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí</td> <td>7721</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	1	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709	2	Dịch vụ liên quan đến in	1812	3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	4	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100	5	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250	6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290	7	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312	8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610	9	Bán buôn thực phẩm	4632	10	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641	11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659	12	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	13	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761	14	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763	15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	16	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành																																																				
1	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709																																																				
2	Dịch vụ liên quan đến in	1812																																																				
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395																																																				
4	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100																																																				
5	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250																																																				
6	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290																																																				
7	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312																																																				
8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610																																																				
9	Bán buôn thực phẩm	4632																																																				
10	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641																																																				
11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659																																																				
12	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759																																																				
13	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761																																																				
14	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763																																																				
15	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771																																																				
16	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721																																																				



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
3	28/NQ-CK	08/02/2022	<p>Điều 2: Thống nhất tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông cụ thể như sau:</p> <p>1. Thời gian, địa điểm thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: ngày 11 tháng 03 năm 2022; - Địa điểm: Phòng họp Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; <p>2. Thời gian chốt danh sách cổ đông: ngày 22 tháng 02 năm 2022;</p> <p>3. Nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo nội dung Điều 1;</p> <p>Điều 3. Giao các Phòng/Ban chuyên môn liên quan triển khai việc chuẩn bị và tổ chức thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và thay thế cho Nghị quyết số 18/NQ-CK ngày 25/01/2022. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
4	40/NQ-CK	17/02/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất kết quả hoạt động SXKD năm 2021 theo Báo cáo tài chính tự lập.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc cử Ông Lê Thanh Vân là người đại diện vốn góp tại Công ty TNHH Liên Doanh Antraco thay thế Ông Nguyễn Chí Thành.</p> <p>Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan và các ông Nguyễn Chí Thành, Lê Thanh Vân chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
5	73/NQ-CK	15/3/2022	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022</p> <p>Điều 3. Giao Ban tổ chức Đại hội chỉ đạo các tiểu ban có liên quan triển khai việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2022.</p> <p>Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
6	95/NQ-CK	13/4/2022	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua ngày tổ chức và nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty với các nội dung như sau:</p> <p>1. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: vào lúc 7 giờ ngày 06 tháng 5 năm 2022; - Địa điểm: Trụ sở chính Công ty, số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1 phường Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang. <p>2. Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị in ấn tài liệu, gửi thư mời, scan các báo cáo lên Website Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định.</p> <p>Điều 2. Thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 81/TTr-CK ngày 28/3/2022 về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên đối với Ông Lê Thanh Vân và bổ nhiệm Ông Võ Thành Tâm giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên kể từ ngày 15/4/2022.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang và Ông Võ Thành Tâm chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
7	111/NQ-CK	25/4/2022	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua bổ sung nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty với các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1: sửa tên và nội dung Tờ trình về việc thông qua bổ sung Phụ lục Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến vào Quy chế nội bộ về quản trị Cty thành nội dung sau: Tờ trình về việc bổ sung Phụ lục 01 Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử vào quy chế nội bộ về quản trị Công ty đồng thời đính kèm nội dung Phụ lục 01. - Nội dung 2: Tờ trình về việc thông qua danh sách ứng cử viên tham gia ứng cử thành viên HĐQT&BKS nhiệm kỳ 2022-2027. Lý lịch trích ngang ứng cử viên. <p>Điều 2. Thống nhất thông qua ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh bổ sung chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tùy theo tình hình thực tế và quy định của Pháp luật. Nội dung tại Điều 1 cập nhật vào tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022</p>





STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
8	116/NQ-CK	05/5/2022	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua sửa đổi nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty với các nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1: sửa nội dung Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị. - Nội dung 2: sửa nội dung Tờ trình về việc thông qua kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 và KH năm 2022. - Nội dung 3: sửa nội dung Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch năm 2022. <p>Điều 2. Thống nhất thông qua ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh bổ sung chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tùy theo tình hình thực tế và quy định của Pháp luật. Nội dung tại Điều 1 cập nhật vào tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> <p>Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
9	118/NQ-CK	06/5/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất bầu chọn Ông Trần Quân Anh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ 10 giờ 40 phút ngày 06 tháng 5 năm 2022.</p> <p>Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
10	194/NQ-CK	12/7/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất về việc chi trả cổ tức năm 2021 như sau:</p> <p>Nội dung: Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ chi trả: 35% /mệnh giá cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 3.500 đồng). - Ngày chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng): ngày 27/7/2022 - Ngày chi trả cổ tức: ngày 12/8/2022 <p>Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thống nhất thông qua với số phiếu tán thành: 5/5; đạt tỷ lệ 100%.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
11	195/NQ-CK	12/7/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện hoạt động SXKD theo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2022 đã đề ra.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành tăng cường giám sát tài chính hai công ty con, định kỳ hàng tháng báo cáo về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
12	207/NQ-CK	26/7/2022	<p>Điều 1. Đồng ý, chấp thuận cho phép các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Đồng ý giao cho ông Lê Thanh Vân – Giám đốc Công ty thực hiện các giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, mở L/C...) và thông qua các Hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với số tiền tối đa là 35.000.000.000 đồng, trong đó: <ol style="list-style-type: none"> Hạn mức vay vốn, số tiền: 35.000.000.000 đồng. Giới hạn bảo lãnh, số tiền: 35.000.000.000 đồng. Giới hạn L/C, số tiền: 35.000.000.000 đồng. Đồng ý việc sử dụng các tài sản là: <ol style="list-style-type: none"> Văn phòng làm việc + hệ thống phân xưởng + nhà kho tại số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang Công trình xây dựng tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ: Phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang Xe ô tô con KIA Carnival, sản xuất năm 2021, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67A-186.07 Xe ô tô con Ford ESCAPE, sản xuất năm 2011, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67A-000.79. Xe ô tô tải HINO FG8JPSB-TL9,4, sản xuất năm 2010, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67M-3234 và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của CÔNG TY CP CƠ KHÍ AN GIANG để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng nêu tại Mục 1 và các giao dịch khác giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	207/NQ-CK	26/7/2022	<p>3. Trong suốt quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Công ty bảo đảm, cam kết:</p> <p>3.1. Thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với mọi khoản tín dụng (khoản vay, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu, bao thanh toán, ...) phát sinh và hiện chưa thanh toán giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang trước thời điểm cuộc họp này.</p> <p>3.2. Đồng ý rằng, nếu Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng được toàn quyền đề nghị và thực hiện việc trích tiền từ tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Công ty tại bất kỳ Tổ chức tín dụng nào để thanh toán các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.</p> <p>Điều 2. Tổ chức thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty hoặc uỷ quyền cho Phó Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty ký kết các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và/hoặc mọi giấy tờ cần thiết, có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. - Khi vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và bảo đảm cấp tín dụng phải xây dựng phương án kinh doanh chi tiết, cụ thể. Trong đó, phải bảo đảm: Thu hồi vốn, khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn; hạch toán chi phí đầy đủ và có hiệu quả kinh tế. - Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các nội dung nêu trên. <p>Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>
13	229/NQ-CK	16/08/2022	<p>Điều 1. Thống nhất thông qua nội dung Tờ trình số 223 /TTr-CK ngày 11/8/2022.</p> <p>Điều 2. Thống nhất thông qua việc ban hành Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư “Xây dựng nhà xưởng” tại khu đất phường Mỹ Quý với tổng diện tích là 3.052,2 m2.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	287/NQ-CK	13/10/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập 9 tháng và giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện hoạt động SXKD theo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2022 đã đề ra.</p> <p>Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương Ban điều hành xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 với doanh thu hoạt động SXKD và doanh thu tài chính là 187.000 trđ; lợi nhuận trước thuế: 16.400 trđ.</p> <p>Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
15	352/NQ-CK	14/12/2022	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2022.</p> <p>Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan và Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.</p>

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có





THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2022:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Quách Kim Long	Trưởng BKS	18.354	0,56%
2	Nguyễn Thành Nghè	Thành viên BKS	0	0%
3	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên BKS	160	0,005%



Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Quách Kim Long – Trưởng BKS

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
1984 – 1988:	Kế toán tổng hợp tại Công ty Lương thực thị xã Châu Đốc
1989 – 1990:	Phòng Kế toán Công ty Lương thực thị xã Châu Đốc
1991 – 1992:	Kế toán trưởng Công ty liên doanh chế biến và kinh doanh thương mại thực phẩm An Giang
1992 – 1993:	Công tác tại Đội thanh tra Giao thông Châu Đốc (thanh tra viên)
1994 – 1996:	Kế toán Ban quản lý Châu Đốc
1996 – 2003:	Phó phòng Kế toán Công ty TNHH Liên doanh Antraco
2003 – 2010:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Liên doanh Antraco
2010 – 2013:	Phó Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco
2013 – 2014:	Quyền Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco
2014 – 2015:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
2014 đến nay:	Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco
2015 đến nay:	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco;
- Chủ tịch HĐQT Hợp Tác Xã Vận tải Thủy Bộ Núi Dài.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 18.354 cổ phiếu, chiếm 0,56% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Lý lịch Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Nghệ - Thành viên BKS

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
04/2014 – 06/2014:	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
07/2014 – 12/2014:	Phó trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
01/2015 – 05/2017:	Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
05/2017 đến nay:	Phó Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco
10/2020 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Phó Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco;
- Giám đốc CTCP Viên Châu Sơn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Ông Nguyễn Đức Hiền – Thành viên BKS

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
12/1996 – 04/1999:	Nhân viên phòng Kế toán Xí nghiệp Cơ khí An Giang
04/1999 – 12/2007:	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cơ khí An Giang
12/2007 – 03/2022:	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
04/2022 đến nay:	Nhân viên phòng Kinh doanh và Thị trường Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2022 đến nay:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 160 cổ phiếu, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Bà Ngô Thị Kiều Dung - Vợ nắm giữ 6.900 cổ phiếu, chiếm 0,21% vốn điều lệ

Những thay đổi trong Ban kiểm soát trong năm 2022

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS đối với bà Nguyễn Thanh Vi vào ngày 06/05/2022.

Bổ nhiệm chức vụ Thành viên BKS đối với ông Nguyễn Đức Hiền vào ngày 06/05/2022.



BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ và ghi nhận kết quả như sau:

Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, Ban kiểm soát và Giám đốc các Công ty con tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho BĐH. Ban kiểm soát nhận thấy Các thành viên HĐQT không có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để chỉ đạo các phòng ban chủ động trong công việc; áp dụng các biện pháp để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí và kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất. Ngoài ra, Ban điều hành còn tích cực thu hồi công nợ, giảm lãi vay ngân hàng và giảm áp lực về dòng tiền trả nợ. Theo đánh giá chung, Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ban điều hành đã ban hành các Quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban điều hành cũng như các bộ phận quản lý không có những hành vi lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Quách Kim Long	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Nguyễn Thanh Vi	TV BKS	1/4	25%	Miễn nhiệm ngày 06/5/2022
3	Nguyễn Thành Nghè	TV BKS	4/4	100%	
4	Nguyễn Đức Hiền	TV BKS	3/4	75%	Bổ nhiệm ngày 06/5/2022

Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

Cuộc họp	Nội dung
Cuộc họp 1	Thẩm tra Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021; Đề xuất lựa chọn Cty kiểm toán BCTC năm 2022
Cuộc họp 2	Bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2021.
Cuộc họp 3	Thẩm tra BCTC tự lập 6 tháng/2022; Đánh giá KQHĐ 6 tháng đầu năm và thực hiện 6 tháng cuối năm 2022; Xem xét số liệu giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty
Cuộc họp 4	Thẩm tra BCTC tự lập 9 tháng/2022; Đánh giá kết quả hoạt động 11 tháng năm 2022. Lập kế hoạch và phân công nhân sự thành viên Ban kiểm soát phối hợp với bộ phận tài chính kế toán... để kiểm tra rà soát lại các hoạt động của Công ty theo đúng nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT; Lập kế hoạch hoạt động quý I/2023



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị: Đồng/người/năm

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác
Hội đồng quản trị				
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-
2	Đổng Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
3	Nguyễn Chí Thành	Thành viên HĐQT	12.000.000	-
4	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
5	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT	36.000.000	-
6	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm 06/05/2022)	24.000.000	-
7	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thư ký HĐQT	18.000.000	-
Ban kiểm soát				
1	Quách Kim Long	Trưởng BKS	36.000.000	-
2	Nguyễn Thanh Vi	Thành viên BKS (miễn nhiệm 06/05/2022)	6.000.000	-
3	Nguyễn Thành Nghè	Thành viên BKS	18.000.000	-
4	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên BKS (bổ nhiệm 06/05/2022)	12.000.000	-
Ban điều hành				
1	Lê Thanh Vân	Giám đốc	-	602.838.636
2	Trần Văn Thái	Phó Giám đốc	-	431.294.818
3	Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	-	414.712.091



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Đơn vị: Đồng

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với TCPH	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Nội dung
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thanh Vân	TV HĐQT – Giám đốc	92.615	2,82%	103.143	3,14%	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Đơn vị: Đồng

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Năm nay	Năm trước	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung
1	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	1.500.000.000	3.000.000.000	Số 20/NQ-CK	Trả tiền vay
			119.735.899	170.728.768		Lãi vay
			-	187.926.306		Mua hàng
2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con	3.505.088.366	2.525.199.181	Số 20/NQ-CK	Mua hàng hóa, dịch vụ
3	Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Công ty con	4.352.343.292	721.807.273	Số 20/NQ-CK	Mua hàng hóa, dịch vụ
4	Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty con	23.368.775.673	18.577.873.101	-	Lợi nhuận được ghi nhận theo tỷ lệ sở hữu của Công ty

Đơn vị: Đồng

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với công ty	Năm nay	Năm trước	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung
5	CN Tổng Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp VN-CTCP-Nhà máy Đức	Đơn vị trực thuộc của cổ đông lớn	5.390.000	-	Số 20/NQ-CK	Bán hàng cho CKAG
6	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty con của cổ đông lớn	102.815.340	-	Số 20/NQ-CK	Bán hàng cho CKAG

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đặt quản trị Công ty lên hàng đầu vì đây là yếu tố cốt lõi để Công ty phát triển hiệu quả. Vì vậy trong suốt quá trình hoạt động, Công ty luôn đảm bảo thực hiện theo đúng pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ đồng thời kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty luôn được vận hành một cách suôn sẻ, theo đuổi mục tiêu tạo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện điều chỉnh, cập nhật nội dung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cũng theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, trong năm qua Công ty còn tiếp tục triển khai các hoạt động rà soát để nâng cao năng lực quản trị của các thành viên Hội đồng quản trị, đặt mục tiêu chính là hoàn thiện hệ thống quản trị hướng tới thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty đảm bảo giữ gìn bản sắc văn hoá riêng cũng như tối ưu hoá các công cụ quản trị của Công ty để tăng năng suất hoạt động.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 99 Ý kiến kiểm toán
- 100 Báo cáo tài chính đã kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 4 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2019-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.315.972.724	112.153.051.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.951.383.333	7.158.831.138
1. Tiền	111	V.1	11.951.383.333	7.158.831.138
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	15.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.624.450.829	80.842.975.445
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	66.891.353.606	63.307.922.635
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	831.871.017	1.079.704.469
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.922.471.970	19.557.337.964
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.028.658.505)	(3.101.989.623)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		7.412.741	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	34.094.161.911	23.001.941.721
1. Hàng tồn kho	141		37.465.706.775	25.889.684.828
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.371.544.864)	(2.887.743.107)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		645.976.651	149.303.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	43.420.030	52.257.533
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		99.903.653	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	502.652.968	97.045.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.110.766.170	37.069.781.641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	-
I. Tài sản cố định	220		23.042.594.215	23.749.086.020
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.042.594.215	23.749.086.020
- Nguyên giá	222		56.738.930.431	54.749.733.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.696.336.216)	(31.000.647.734)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		822.709.908	588.730.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	822.709.908	588.730.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	15.739.664.030	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	15.739.664.030	7.956.213.357
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.647.165.017	4.775.752.264
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	3.105.507.420	3.574.339.051
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.541.657.597	1.201.413.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		174.426.738.894	149.222.833.395

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		71.584.955.623	51.918.041.372
I. Nợ ngắn hạn	310		71.236.444.487	51.743.007.504
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	37.620.862.510	10.052.339.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	4.729.277.071	3.624.134.211
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.268.890.984	1.431.425.458
4. Phải trả người lao động	314		385.649.241	586.032.592
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.538.649.590	4.421.915.684
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	7.809.632.747	7.660.263.608
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	11.878.708.331	20.000.419.476
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.004.774.013	3.966.477.429
II. Nợ dài hạn	330		348.511.136	175.033.868
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	90.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14	348.511.136	85.033.868
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.841.783.271	97.304.792.023
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	102.769.247.368	97.232.256.120
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	21.390.927.097
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.638.913.446	39.559.056.900
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.599.508.198	27.992.352.179
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.039.405.248	11.566.704.721
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		174.426.738.894	149.222.833.395

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Trưởng phòng TCKT

Lê Thanh Vân
 Giám đốc



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2022	2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	154.731.928.175	114.256.684.617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.181.818	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	154.723.746.357	114.256.684.617
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	137.530.040.287	97.395.179.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.193.706.070	16.861.504.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.920.092.107	18.640.716.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.241.319.115	1.209.629.775
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.235.880.585	1.145.339.683
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		7.783.450.673	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.607.865.439	2.255.720.052
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.646.841.320	14.527.761.873
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		22.401.222.976	17.509.109.086
12. Thu nhập khác	31		548.593	71.343.327
13. Chi phí khác	32	VI.7	445.652.225	1.110.623.689
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(445.103.632)	(1.039.280.362)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.956.119.344	16.469.828.724
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	358.629.900	85.087.356
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.14	(76.767.116)	(567.693.949)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		21.674.256.560	16.952.435.317
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		21.674.256.560	16.952.435.317
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	5.185	4.293

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Trưởng phòng TCKT

Lê Thanh Vân
 Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2022	2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.956.119.344	16.469.828.724
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.695.688.482	2.564.726.643
Các khoản dự phòng	03	1.410.470.639	2.436.674.942
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.492.257)	(3.901.726)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.467.607.689)	(18.645.468.813)
Chi phí lãi vay	06	1.235.880.585	1.145.339.683
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.817.059.104	3.967.199.453
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(7.942.932.232)	1.666.067.895
Tăng hàng tồn kho	10	(11.576.021.947)	(4.126.951.303)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	26.615.653.061	(2.437.212.223)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	477.669.134	(91.072.157)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.235.834.734)	(1.146.795.351)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(135.772.986)	(516.491.851)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.596.554.728)	(2.451.055.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.423.264.672	(5.136.310.539)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.223.176.585)	(2.555.626.447)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	41.337.205
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.203.096.996	19.054.434.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.979.920.411	16.540.144.991


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	2022	2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	55.722.745.916	65.727.341.694
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(63.844.457.061)	(67.726.922.218)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.502.414.000)	(8.216.010.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.624.125.145)	(10.215.590.524)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.779.059.938	1.188.243.928
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	7.158.831.138	5.966.685.484
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.492.257	3.901.726
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	11.951.383.333	7.158.831.138


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2023


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Trưởng phòng TCKT




Lê Thanh Vân
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh lần thứ 9 ngày 7 tháng 12 năm 2021 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 184 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 190 người).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.



IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	530.240.841	491.259.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.421.142.492	6.667.571.903
Cộng	11.951.383.333	7.158.831.138
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	1.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	135.580.900	185.949.600
Khách hàng khác		
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Thiện Phát	36.205.000.000	-
Công ty Cổ phần Cầu đường 10	3.869.915.900	6.698.770.900
Công ty TNHH MTV XD Phan Vinh	1.267.000.000	4.500.000.000
Ban Quản lý, Bảo trì Công trình Đường bộ	-	9.773.131.000
Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh	357.532.700	6.865.929.720
Các đối tượng khác	25.056.324.106	35.284.141.415
Cộng	66.891.353.606	63.307.922.635
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Zigong City Ocean Art Co.,Ltd	290.721.600	-
DNTN Vật liệu Xây dựng Bảo Toàn	190.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Thép Nguyên Phát	102.830.862	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông - Chi nhánh Cần Thơ	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Tây Đô	-	146.600.000
Các đối tượng khác	248.318.555	333.104.469
Cộng	831.871.017	1.079.704.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	2.586.507.014	123.500.000
Tạm ứng cho nhân viên	743.058.030	347.611.728
Dự thu lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	-	18.536.264.312
Các khoản phải thu khác	592.906.926	549.961.924
Cộng	3.922.471.970	19.557.337.964
b. Dài hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	-
Tổng cộng	4.781.104.970	19.557.337.964
Trong đó, phải thu bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	-	18.536.264.312
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	8.450.000
Cộng	-	18.544.714.312

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.343.034.821	1.314.376.316	684.832.466	(3.101.989.623)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	(3.101.989.623)	(1.828.549.492)
Trích lập dự phòng trong năm	(1.199.135.392)	(1.293.440.131)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	272.466.510	20.000.000
Số dư cuối năm	(4.028.658.505)	(3.101.989.623)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	13.038.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.726.728.027	(1.155.015.876)	11.191.981.182	(1.173.035.469)
Công cụ, dụng cụ	135.331.226	(132.061.226)	153.098.352	(132.061.226)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.187.294.108	(1.002.663.676)	9.507.131.957	(571.720.477)
Thành phẩm	2.440.273.584	(1.041.797.267)	2.833.614.004	(972.074.016)
Hàng hóa	1.976.079.830	(40.006.819)	2.190.820.533	(38.851.919)
Cộng	37.465.706.775	(3.371.544.864)	25.889.684.828	(2.887.743.107)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	(2.887.743.107)	(1.724.508.296)
Trích lập dự phòng bổ sung	(483.801.757)	(1.644.111.112)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	480.876.301
Số dư cuối năm	(3.371.544.864)	(2.887.743.107)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	43.420.030	52.257.533
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất chờ phân bổ (i)	1.666.666.667	1.875.000.001
Chi phí sửa chữa tài sản	783.554.294	15.780.923
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	652.609.792	1.683.558.127
Chi phí trả trước khác	2.676.667	-
Cộng	3.105.507.420	3.574.339.051
Tổng cộng	3.148.927.450	3.626.596.584

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.045.917	88.227.014	-	8.818.903
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	73.222.441	73.222.441
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	420.611.624	420.611.624
Cộng	97.045.917	88.227.014	493.834.065	502.652.968
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.429.331.458	4.656.202.884	4.951.273.258	1.134.261.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	270.402.886	135.772.986	134.629.900
Thuế thu nhập cá nhân	2.094.000	423.637.780	425.731.780	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.113.073.844	1.113.073.844	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	414.256.796	414.256.796	-
Cộng	1.431.425.458	6.877.574.190	7.040.108.664	1.268.890.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Công VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	16.653.484.594	30.660.601.611	7.341.521.185	94.126.364	54.749.733.754
Mua tài sản trong năm	-	1.951.000.000	-	-	1.951.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	38.196.677	-	-	-	38.196.677
Tại ngày 31/12/2022	16.691.681.271	32.611.601.611	7.341.521.185	94.126.364	56.738.930.431
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	9.858.758.636	16.001.547.283	5.069.199.405	71.142.410	31.000.647.734
Khấu hao trong năm	597.987.737	1.891.348.403	195.443.388	10.908.954	2.695.688.482
Phân loại lại	-	(147.788.150)	147.788.150	-	-
Tại ngày 31/12/2022	10.456.746.373	17.745.107.536	5.412.430.943	82.051.364	33.696.336.216
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	6.794.725.958	14.659.054.328	2.272.321.780	22.983.954	23.749.086.020
Tại ngày 31/12/2022	6.234.934.898	14.866.494.075	1.929.090.242	12.075.000	23.042.594.215

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 12.750.094.978 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 11.587.616.405 VND).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 892.483.045 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 892.483.045 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.18, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 12.532.697.959 đồng và 3.471.609.563 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.365.241.511 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình		
	Phần mềm kế toán	
	VND	
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022	65.000.000	
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022	65.000.000	
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022	-	
12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	302.109.908	68.130.000
Cộng	822.709.908	588.730.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	7.783.450.673	7.956.213.357	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		15.739.664.030		7.956.213.357

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Giá trị ghi nhận đầu năm	7.956.213.357	7.956.213.357
Thay đổi trong năm	7.783.450.673	-
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh	7.783.450.673	-
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh trong năm	23.368.775.673	18.536.264.312
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.585.325.000)	(18.536.264.312)
Giá trị ghi nhận cuối năm	15.739.664.030	7.956.213.357

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Thuế thu nhập hoãn lại	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND		Các khoản dự phòng VND		Cộng VND	
a. Tài sản thuế hoãn lại						
Tại ngày 01/01/2021	290.246.942	379.670.453			669.917.395	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(388.626.320)	(142.869.498)			(531.495.818)	
Tại ngày 01/01/2022	678.873.262	522.539.951			1.201.413.213	
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%			20%	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(177.747.316)	(162.497.068)			(340.244.384)	
Tại ngày 31/12/2022	856.620.578	685.037.019			1.541.657.597	
b. Thuế hoãn lại phải trả						
Tại ngày 01/01/2021	121.231.999	-			121.231.999	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	36.198.131	-			36.198.131	
Tại ngày 01/01/2022	85.033.868	-			85.033.868	
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	263.477.268	-			263.477.268	
Tại ngày 31/12/2022	348.511.136	-			348.511.136	
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất						(76.767.116)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	352.284.794	352.284.794	378.038.840	378.038.840
Người bán khác				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	18.601.461.258	18.601.461.258	367.132.680	367.132.680
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quang Mươi	3.958.202.792	3.958.202.792	159.841.725	159.841.725
Công ty TNHH Đầu tư Thép Xanh	3.949.989.917	3.949.989.917	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng công trình Vĩnh Sơn	-	-	5.459.037.000	5.459.037.000
Các đối tượng khác	10.724.478.261	10.724.478.261	3.688.288.801	3.688.288.801
Cộng	37.620.862.510	37.620.862.510	10.052.339.046	10.052.339.046

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Trung Hiếu	2.238.475.000	1.472.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại & Xây dựng BT	660.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp 6	531.667.000	-
Ông Noun Sam Bat	-	600.000.000
Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh An Giang	-	363.351.000
Các đối tượng khác	1.299.135.071	1.188.783.211
Cộng	4.729.277.071	3.624.134.211

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	2.473.062.109	4.358.874.054
Chi phí lãi vay	18.087.481	18.041.630
Chi phí phải trả khác	47.500.000	45.000.000
Cộng	2.538.649.590	4.421.915.684

18. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.000.000	
Các khoản khác	584.821.564	525.452.425
Cộng	7.809.632.747	7.660.263.608
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	90.000.000
Tổng cộng	7.809.632.747	7.750.263.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Phát sinh trong năm		01/01/2022	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	9.500.000.000	9.500.000.000	54.844.037.585	61.344.037.585	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	878.708.331	878.708.331	878.708.331	1.000.419.476	1.000.419.476	1.000.419.476
Cộng	10.378.708.331	10.378.708.331	55.722.745.916	62.344.457.061	17.000.419.476	17.000.419.476
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh b)	1.500.000.000	1.500.000.000			3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	11.878.708.331	11.878.708.331			20.000.419.476	20.000.419.476
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)			(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Cộng	-	-			-	-
Tổng cộng	11.878.708.331	11.878.708.331			20.000.419.476	20.000.419.476



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	9.500.000.000	6 tháng	08/05/2023	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm từ 6,5% đến 9%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	878.708.331	6 tháng	22/06/2023	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7,5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với giá trị là 1.000.000.000 đồng.
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.500.000.000	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	Trong năm từ 3,6% đến 5%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ khen thưởng	4.068.816.423	2.570.433.790
Quỹ phúc lợi	635.957.590	1.096.043.639
Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	300.000.000	300.000.000
Cộng	5.004.774.013	3.966.477.429

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.966.477.429	3.574.667.133
Trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm	4.634.851.312	2.842.865.298
Sử dụng quỹ trong năm	(3.596.554.728)	(2.451.055.002)
Số dư cuối năm	5.004.774.013	3.966.477.429

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	36.208.362.179	91.338.696.101
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.952.435.317	16.952.435.317
Chia cổ tức	-	-	-	(8.216.010.000)	(8.216.010.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.542.865.298	-	(2.542.865.298)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.842.865.298)	(2.842.865.298)
Tại ngày 01/01/2022	32.864.040.000	21.390.927.097	3.418.232.123	39.559.056.900	97.232.256.120
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	21.674.256.560	21.674.256.560
Chia cổ tức	-	-	-	(11.502.414.000)	(11.502.414.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	(2.542.865.298)	-	2.542.865.298	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(4.634.851.312)	(4.634.851.312)
Tại ngày 31/12/2022	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	47.638.913.446	102.769.247.368

(i) Trong năm 2021, Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 với tỷ lệ trích là 15%. Tuy nhiên Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 6 tháng 5 năm 2022 quyết định không trích lập quỹ đầu tư phát triển, do vậy Công ty đã hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển trong năm 2022

(ii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng ban đầu hành được tạm trích với số tiền 300 triệu đồng. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng ban đầu hành sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 6 tháng 5 năm 2022 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 35% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 11.502.414.000 đồng.

Cổ tức năm 2022 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 25% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm	75.635.500.491	34.987.061.211
Doanh thu xây dựng các loại cầu	60.986.935.972	62.591.723.925
Doanh thu bán hàng hóa	15.485.733.532	14.005.646.148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.623.758.180	2.672.253.333
Cộng	154.731.928.175	114.256.684.617
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	8.181.818	-
Cộng	8.181.818	-
Doanh thu thuần	154.723.746.357	114.256.684.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	2022	2021
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	67.036.827.621	29.325.796.557
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	54.787.728.543	52.971.799.892
Giá vốn bán hàng hóa	14.611.928.226	13.314.013.614
Giá vốn cung cấp dịch vụ	609.754.140	620.335.022
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	483.801.757	1.163.234.811
Cộng	137.530.040.287	97.395.179.896

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco	15.585.325.000	18.536.264.312
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	222.442.834	32.682.731
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.832.016	67.867.296
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	13.492.257	3.901.726
Cộng	15.920.092.107	18.640.716.065

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	15.585.325.000	18.536.264.312
---------------------------------	----------------	----------------

4. Chi phí tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.235.880.585	1.145.339.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.438.530	64.290.092
Cộng	1.241.319.115	1.209.629.775

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	119.735.899	170.728.768
--	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	504.500.000	878.976.000
Chi phí nhân viên	95.688.065	186.138.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.791.490	7.791.490
Chi phí vật liệu bao bì	-	3.000.000
Chi phí nghiệm thu, vận chuyển, thử tải	218.129.293	511.259.248
Chi phí bảo hành	16.766.306	88.109.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	764.990.285	580.444.767
Cộng	1.607.865.439	2.255.720.052

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.387.827.058	9.393.081.959
Chi phí đồ dùng văn phòng	86.923.196	80.848.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	509.326.026	380.945.051
Thuế, phí và lệ phí	945.877.023	861.141.071
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	926.668.882	1.273.440.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.256.202.272	1.850.504.287
Chi phí bằng tiền khác	534.016.863	687.800.612
Cộng	15.646.841.320	14.527.761.873

7. Chi phí khác

	2022	2021
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	372.868.075	-
Chi phí phát sinh trong giai đoạn dịch covid	-	1.056.061.983
Các khoản chi phí khác	72.784.150	54.561.706
Cộng	445.652.225	1.110.623.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.956.119.344	16.469.828.724
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	2.500.181.536	1.263.886.644
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(15.585.325.000)	(18.536.264.312)
Lãi từ công ty liên doanh	(7.783.450.673)	
Hoàn nhập chi phí dự phòng không được trừ khi tính thuế năm trước	(272.466.510)	(500.876.301)
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	1.684.772.842	-
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	(428.649.754)	2.124.122.257
Thu nhập chịu thuế	2.071.181.785	820.697.012
Chuyển lỗ	(278.032.283)	(212.930.182)
Thu nhập tính thuế	1.793.149.502	607.766.830
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	358.629.900	121.553.366
Thuế TNDN được giảm	-	(36.466.010)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	358.629.900	85.087.356

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	21.674.256.560	16.952.435.317
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(4.634.851.312)	(2.842.865.298)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.039.405.248	14.109.570.019
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.185	4.293

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay đã được điều chỉnh giảm cho giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát dự tính chia từ lợi nhuận năm 2022 theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 6 tháng 5 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2022	2021
	VND	VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	1.500.000.000	3.000.000.000

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	2022	2021
		VND	VND

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	48.000.000	32.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	36.000.000	40.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/05/2022)	24.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/05/2022)	12.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thư ký	18.000.000	18.000.000
Cộng		210.000.000	198.000.000

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Thành Nghê	Thành viên	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/05/2022)	12.000.000	-
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/05/2022)	6.000.000	18.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Bên liên quan (tiếp theo)

Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	602.838.636	392.413.036
Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	-	710.932.219
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc	431.294.818	426.531.218
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	414.712.091	403.719.664
Cộng		1.448.845.545	1.933.596.137

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.113.073.844	1.113.074.385

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	1.590.106.264	1.590.106.264
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.360.425.056	6.360.425.056
Sau năm năm	5.582.078.455	7.172.184.719
Cộng	13.532.609.775	15.122.716.039

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Các cam kết (tiếp theo)

Cam kết không hủy ngang

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền truy thu trị giá 483 triệu từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo và 103 Nguyễn Huệ B. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý nhà nước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Trưởng phòng TCKT


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

An Giang, ngày 14 tháng 04 năm 2023
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CÔNG TY CP CƠ KHÍ AN GIANG
GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CP
CƠ KHÍ
AN GIANG
M.S.D.N. 16001 049
TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG
LÊ THANH VÂN